RENÉ DESCARTES

Phương Pháp Luận

Discours de la Méthode

NGUYỄN - VĂN - CHÂU và
L. M. CAO-VĂN-LUẬN dịch

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-HỌC

Lời giới thiệu

Để làm giàu Thư viện Đại-Học bằng tiếng Việt còn quá nghèo nàn, một số giáo sư viện Đại học Huế đã đứng ra thành lập những tủ sách chuyên môn về ngành Đại-Học như Triết, Văn, Sử, Khoa-học, Y học v.v... và một nhà xuất bản lấy tên là «ĐẠI-HỌC» để ấn hành những sách vở biên soạn ra. Riêng về ngành dịch, chúng tôi thiết tưởng giáo sư không đủ thì giờ và sức lực để làm việc đó vì đã mất nhiều giờ vào việc biên soạn bài vở giáo khoa bằng tiếng Việt, nên thiết tưởng phải trông chờ vào sự cộng tác của sinh viên đang theo học tại các ngành chuyên môn đó. Phương pháp làm việc, hình thức cộng tác và những ích lợi riêng cho sinh viên trong công việc dịch thuật ấy như thế nào, chúng tôi đã có dịp trình bày trong cuốn sách dịch đầu tiên của nhà xuất bản, cuốn «Tình cảm và đời sống đạo đức của Jean Lacroix».

Cuốn «Phương pháp luận» của Descartes và một vài cuốn còn đang sửa chữa hay đang in đều cùng chung một lề lối làm việc như cuốn «Tình cảm và đời sống đạo đức» đã xuất bản. Cuốn «Phương pháp luận» này do anh Nguyễn Văn Châu, sinh viên đại học văn khoa Huế dịch trong niên khóa 1957-1958 và linh mục Cao-Văn-Luận sửa chữa lại, viết lời giới thiệu tác giả và tác phẩm.

Chúng tôi mong rằng những cuốn «Đưa vào Triết học» của K. Jaspers và cuốn «Nhân vị và tình yêu» của Jean Lacroix sẽ được xuất bản liền sau cuốn Phương pháp luận này.

ĐẠI HỌC

nhà xuất bản đại học

- **TÌNH CẢM VÀ ĐỜI SỐNG ĐẠO ĐỨC**
  của Jean Lacroix
- **PHƯƠNG PHÁP LUẬN**
  của René Descartes
- **NHÂN VỊ VÀ TÌNH YÊU**
  của Jean Lacroix
- **ĐƯA VÀO TRIẾT HỌC**
  của K. Jaspers

Tựa

Nhà xuất-bản Đại-học hân-hạnh cho xuất-bản quyển « Phương-pháp-luận » của Descartes.

Để giúp vào việc hiểu biết một triết-gia đã mở màn cho triết-học cận-đại và đã gây ra một hệ-thống tư-tưởng tiếp tục đến ngày nay, chúng tôi xin trình bày sau đây một vài nhận xét về «Phương-pháp-luận» và nội-dung của tập sách ấy.

René DESCARTES sinh tại La Haye, tỉnh Touraine (Pháp) ngày 31 tháng 3 năm 1596. Ông là con thứ ba ông Joachim Descartes, cố-vấn Nghị-viện Rennes, và bà Jeanne Brochard. Ông mồ côi mẹ từ lúc một tuổi, và được bà ngoại nuôi dưỡng. Người ta không hay biết gì bao nhiêu về khoảng đời niên-thiếu của René Descartes : sau này, có khi ông nhắc lại một vài hoài niệm trong khoảng đời đó, nhưng chỉ để chứng tỏ quá-trình tư-tưởng của Ông hoặc để giải-thích tư-tưởng đó, chớ không phải để tìm lại ít nhiều cảm-xúc của thiếu thời.

Năm 1606, lúc 10 tuổi, Descartes được nhận vào học tại Trường các Cha Dòng Tên de la Flèche (Collège des Jésuites de la Flèche). Ở đó, ông được ưu-đãi, một lẽ vì tư-chất thông-minh, một lẽ vì sức khỏe kém. Descartes sẽ cho ta biết nhiều hơn về những năm học tập của Ông : suốt cả phần 1 của Phương-pháp-luận sẽ dành để kiểm-điểm thành-tích những năm học tập ấy.

Descartes rời Trường la Flèche năm 1614, và đến học Luật tại Poitiers. Năm 1618, Ông đi đầu quân ở Hòa-Lan. Tháng 4 năm 1619, Descartes rời Hòa-Lan đi Đan-Mạnh, rồi đến Đức quốc và gia-nhập quân-đội

của Quận chúa Maximilien de Bavière. Tháng 11, Ông ở gần thành Ulm, và ngày 10 tháng ấy bên cạnh lò sưởi, Ông đã sống cái đêm lịch-sử, tâm thần phấn-khởi lạ thường, vì Ông tưởng đã tìm ra «những nền tảng của một khoa-học đáng khâm-phục». Và như thế, sau khi đã nhận rõ chí-hướng của mình, năm 1620, Descartes từ bỏ đời sống quân-nhân, một giai đoạn không hiếm chuyện phiêu-lưu kỳ thú (như chuyện mà mọi người đều biết, là Ông đã dùng gươm của Ông mà bắt buộc một bọn thủy-thủ định giết Ông, phải đưa Ông yên lành đến nơi hải-cảng) để làm một cuộc du-lịch từ miền Bắc nước Đức qua Hòa-Lan, rồi trở về Pháp năm 1622.

Năm 1627, để có thể yên tĩnh mà suy nghĩ và nghiên cứu những vấn-đề triết-lý, Descartes lại trở về ở Hòa-Lan; Ông cũng tìm cách sống ẩn-dật, xa lánh đô-thị. Tuy thế, Ông vẫn luôn luôn giữ liên-lạc với các nhà bác-học đương thời, hoặc bằng thư-tín, hoặc bằng những cuộc trở về Pháp, hoặc nhờ trung gian của Linh mục Mersenne, một nhà bác-học ở Paris.

Lúc bấy giờ Dercartes đang cố gắng để chép xong một quyển sách nhan-đề; «Quang-học» hay «Thế-giới luận», một quyển sách bao gồm cả vật-lý thuyết, sinh-vật thuyết và nền-tảng siêu-hình cho vũ-trụ quan của Ông, nhưng vì những lẽ không thuận-tiện, Ông đã bỏ ý định cho xuất bản sách ấy. Mặt khác, Ông muốn cho bạn bè có một ý-niệm về phương-pháp của mình, và như thế nhờ sức họ mà thực hiện những cuộc thí-nghiệm bổ-ích để kiểm-chứng những điều suy-luận của mình, nên năm 1637 Descartes đã cho xuất-bản bằng tiếng Pháp cuốn «Phương pháp luận» (Discours de la Méthode) có phụ thêm khảo-luận về «Quang-học» (Dioptrique) và «Hình-học» (Géométrie) hai phần sau này, trong bản ý của Descartes, được xem như là «ứng-nghiệm» của Phương-pháp.

Năm 1641- cuốn «Suy-tưởng về những vấn đề siêu-hình» (Meditationes de Prima philosophia) được xuất-bản bằng tiếng La-tinh. (Sách ấy được công tước de Luynes dịch ra tiếng Pháp năm 1647). Đến năm 1644 sách «Nguyên-lý Triết-học» (Principia Philosophiae) ra đời bằng tiếng La-tinh (và cũng được dịch ra tiếng Pháp vào năm 1647). Sách này trình bày lại những ý kiến căn-bản của sách «Thế-giới luận», nhưng dưới một hình-thức để giảng dạy. Cuốn khảo-luận về «Xúc-cảm của linh-hồn» Les passions de l'âme) là tác-phẩm cuối cùng được xuất-bản lúc sinh thời của Descartes (1649).

Năm 1649, Nữ-hoàng Christine de Suède khẩn khoản mời Descartes đến Stockhoem. Ông đã do-dự nhiều, và muốn xin Nữ-hoàng miễn cho Ông cuộc hành trình đó; nhưng cuối cùng Ông quyết-định đi, và tháng mười năm 1649 Ông đến Stockhoem. Nhân một buổi dạ-yến có khiêu-vũ để mừng hòa ước Westphalie kết-thúc cuộc chiến-tranh Ba mươi năm, Descartes thể theo ý muốn của Nữ-hoàng đã làm những lời thơ cho buổi khiêu-vũ, và như thế Ông đã phạm đến một điều kiêng cữ của Ông: bình sinh ông vẫn thích làm thi, nhưng nhớ lại rằng Socrate chỉ làm thi lúc sắp chết, nên Ông sợ làm thi là một điềm chẳng lành cho Ông.

Vào cuối tháng giêng năm 1650, một buổi sang sớm Ông đến điện Nữ-hoàng và bị cảm hàn. Vài ngày sau Ông bị chứng sưng phổi, và Ông từ trần ngày 11 tháng 2 năm 1650. Di-hài Ông đã được chở về Pháp năm 1667 và an-táng tại Thánh-đường Saint-Germain des Prés.

Descartes là một tâm hồn cô quạnh, một trí-tuệ say-đắm trong sự tìm biết. Lúc đầu Ông chỉ sống để tìm thú vui trong sự hiểu biết, và chỉ nhằm một

mục-đích là được suy-gẫm trong cảnh cô-tịch, không hề nghĩ đến việc xuất bản một tác-phẩm nào.

Sự thật là những phát-minh về toán-học, cũng như là Phương-pháp và Siêu-hình của Ông, đều không được ai hay biết cho đến khi cuốn «Phương-pháp luận» ra đời. Nhưng, tuy không thèm muốn danh-vọng, không chủ-trương cải-tổ tư-tưởng, chánh-trị, hay tôn-giáo, Descartes đã nhận-định mình có nhiệm-vụ làm lợi cho nhân-loại. Thế nghĩa là Ông cho rằng Khoa-học chân-chính phải biến-đổi điều-kiện vật-chất của đời sống, phải đem lại những phát-minh cơ-khí để làm cho cuộc sinh-hoạt con người bớt cực nhọc, bệnh tật được chữa lành, phong-tục được cải thiện. Như thế, Descartes đã hướng về trào lưu cơ-khí, kỹ-nghệ và y-dược khoa-học.

Người ta thường bảo rằng trí óc của Descartes là trí óc của thế-kỷ XVII, và người ta cũng đề-cập đến những đồng điểm giữa Ông và các đại văn-hào của thời Ông ; người ta cho rằng Descartes đã gây một ảnh-hưởng quyết-định không những về mặt khoa-học và triết-học của thời Ông, mà cả về mặt văn-chương nữa.

Sự thật là người ta không thể vạch lại lịch-trình tư-tưởng của Pháp, và ngay cả của Âu-châu, từ 1650 về sau, nếu không dành một chỗ quan-trọng cho Descartes. Riêng về mặt triết-lý, thì Spinoza, Leibniz, Malebranche lại chứng tỏ tính-cách trọng-đại cuộc cách mạng của Descartes, vì các triết-gia ấy đã xây-dựng tư-tưởng của họ trên những vấn-đề do Descartes đã đặt ra, và theo cơ-cấu của tư-tưởng Descartes.

Nhưng một điều khác là chúng ta thật khó hiểu được Descartes, một người đã sống một đời trầm-mặc, cô-tịch, nếu ta không phân-biệt một phần có thể gọi là học-thuyết Descartes (le cartésianisme) và một phần khác là triết-lý của Descartes. Học thuyết Descartes bao gồm những ý-niệm khách-quan, phổ-quát, trừu-tượng, vô ngã như những chân-lý khoa-học. Và như thế nó có một số phận riêng ; nó không phải là một tâm-hồn, một ý-thức, mà nó là một tham-vọng đạt đến khoa-học thôi. Vì vậy nghiên cứu học-thuyết Descartes thuộc phạm-vi lịch-sử khoa-học, văn-học và nghệ-thuật; triết-lý của Descartes (la philosophie de Descartes) bao gồm tư-tưởng toàn-diện của Descartes, lại thuộc phạm-vi lịch-sử triết-học. Ở đây, chân-lý là một tâm-hồn, một nhân-vị, một ý-thức . . . sinh hoạt với một nội-dung vô cùng phong-phú và tân-kỳ.

Như thế tư-tưởng của Descartes vừa là một trật-tự lý-trí, vừa là một đường lối duy-linh.

Trong Phương-pháp luận, Descartes chép thiên lịch-sử tâm-linh của Ông ; trong «Suy-tưởng» (les Méditations, Ông lại sẽ cho ta biết chính lịch-sử tâm-linh của Ông cũng là lịch-sử của TÂM-LINH.

Viết bằng tiếng Pháp, và ngay từ câu đầu, tuyên-bố tính-cách phổ-quát của lý-trí, Phương-pháp luận vừa là một bài tựa, vừa là một công cuộc quảng bá : Descartes muốn cho công chúng để ý đến phương-pháp của Ông, mà Ông hy-vọng biết bao phát-minh sau này có thể thực-hiện được nhờ phương-pháp ấy.

Ta cũng nên để ý rằng cho đến năm 1630, Descartes chỉ là một nhà bác-học. Năng-lực của Ông hướng về thế-giới mà Ông muốn tìm hiểu và giải thích hoàn-toàn. Ông tin rằng Khoa-học sẽ vén màn bí-mật của đời sống, và trí-tuệ con người phải xoay về thiên-nhiên để chinh phục nó. «Ngay khi mà tôi đã nắm được những khái-niệm chính-yếu của Vật lý, Descartes viết, ngay khi mà, bắt đầu thí-nghiệm những khái-niệm ấy trong những trường-hợp khó khăn đặc-biệt, tôi đã nhận thấy chúng có thể đưa chúng ta đến

đâu, và chúng nó khác biết bao với những nguyên-tắc người ta quen dùng đến nay, tôi đã nghĩ rằng tôi không thể giữ kín những khái-niệm ấy mà không phạm lỗi lớn đối với cái luật bắt buộc chúng ta phải cố gắng, theo sức ta, để mưu đồ hạnh-phúc cho mọi người. Vì những khái-niệm ấy đã cho tôi thấy có thể đạt đến những điều nhận thức rất ích-lợi cho đời sống, và thay vào lối học lý-thuyết ở học-đường, người ta có thể tìm một lối học thực-tế nhờ đó, biết được sức mạnh và tác dụng của lửa, nước, không-khí, tinh-tú, khoảng không gian và nhiều vật khác chung quanh chúng ta, một cách tinh-tường như chúng ta biết mọi nghề-nghiệp của các thợ thuyền, chúng ta có thể dùng chúng nó vào trong những công việc thích-hợp, và trở thành những kẻ chủ hữu của thiên-nhiên».

Lời nói đó biểu lộ một tâm-trạng còn mê mết trong cái mộng khoa-học kỹ-thuật vạn năng của thế-kỷ XVII. Sau này, bước sang địa hạt siêu-hình, ta sẽ thấy Descartes có một luận điệu khác hẳn.

Descartes trước tiên là một nhà toán-học. Ông chỉ tìm thấy sự xác-thực trong toán-học. Vì Ông muốn đạt đến xác-thực trong mọi địa-hạt ; nên Ông mở rộng cho mọi địa hạt hiểu biết một phương-pháp thật ra chỉ được ứng-dụng có hiệu-quả cho số-lượng mà thôi. Và cái tham-vọng xây-dựng một khoa-học phổ-quát (Science universelle) của Descartes dựa vào đâu ? Descartes cho rằng tính-cách phổ-quát của phương-pháp Ông được đặt trên tính-cách đồng-nhất của lý-trí con người : lý-trí ấy lúc nào cũng như nhau, thì phải luôn luôn lý-luận như nhau. Nhưng ta thấy rằng ở đây lòng tin-tưởng của Descartes vào lý-trí không có nền-tảng triết-lý : nó chỉ có tính-cách tự-nhiên, theo tục-thức, và như thế, nó không thoát khỏi thành-kiến. Descartes nhận thấy toán-học có hiệu-quả. Trong khi Ông tin vào sự xác-thực của toán-học, Ông chỉ theo một truyền-thống, và ý-kiến chung của mọi người. Ông không ngạc-nhiên về điểm người ta có thể tin chắc một cái gì, và Ông không thắc-mắc về bản-thể của chân-lý.

Một điều khác nữa là trong Phương-pháp luận, người ta không thấy một tư-tưởng nào của Descartes trình bày một cách hoàn-toàn và dứt-khoát. Phải chăng là trong một tác-phẩm để quảng-bá, Descartes chỉ muốn cho đại-chúng một ý-niệm khái-lược về phương-pháp của Ông, và hiến mọi người một tiên-vị về những thực hiện tốt đẹp có thể rút ra từ phương-pháp đó ?

Về nội-dung, Phương-pháp luận có thể chia làm 6 phần :

Phần I.— *Tác-giả duyệt lại học biết của mình, và tỏ vẻ thất vọng: sự thất-vọng ấy là khởi-điểm của công cuộc tìm kiếm của Ông.*

Phần II.— *Tác-giả cho biết dự-định của Ông là xây-dựng lại tất cả cơ-sở nhận-thức. Ở đây, để thay thế vào những qui-tắc phiền-toái của Luận-lý xưa, Ông đưa ra 4 qui-tắc có thể tóm tắt trong :*

1.— Hiển nhiên
2.— Phân-tích
3.— Tổng-hợp
4.— Tính-soát

Điểm đáng để ý là ở đây, vấn-đề nền-tảng của nhận-thức vẫn chưa được giải-quyết cách nào ; và để có thể áp-dụng phương-pháp toán-học, phải chăng là Descartes đã nhìn nhận rằng phải thay thế Thế-giới có thật, con người có thật bằng một thế-giới và một con người tưởng-tượng ?

Phần III.— *Descartes đề-cập đến vấn-đề đạo-đức. Ông cho rằng trong khi trí óc đang tìm một đàng lối chắc thật, thì hành-động không thể tự-do : trước khi triệt-phá một ngôi nhà để xây-dựng lại một ngôi nhà khác, thì « cần phải kiếm một nơi nào để cư-trú tiện-*

lợi trong thời-gian người ta phải làm việc để xây cất lại ». Vì thế Descartes lại đưa ra ở đây 3 qui-tắc hợp thành một luân-lý tạm thời trong khi chờ đợi giải-pháp dứt-khoát về hành-động con người :

1) Tuân theo luật-lệ và phong-tục của xứ sở mình. Có một thái-độ ôn-hòa, xa lánh cực-đoan . . . .

2) Tỏ ra cương-nghị và quả-quyết trong hành-động.

3) Thắng-phục mình, và dục-vọng của mình . . . .

Sau này Descartes xác-nhận nội-dung luân-lý tạm thời kể trên là dứt khoát. Sự thật thì mỗi phần của Phương-pháp luận là một giai-đoạn của đời sống Descartes, và tính-cách nhất-trí của Phương-pháp luận không phải là tính-cách nhất-trí của một hệ-thống tư-tưởng, mà lại là một thiên lịch-sử : lịch-sử của tâm-linh Descartes, như trên đã nói.

Phần thứ IV.— Descartes xét về các lý-do chứng-minh có Thượng-đế và linh-hồn con người. Descartes trình bày cái tư-tưởng (Le Cogito) làm nguyên-lý đầu tiên cho siêu-hình của Ông. Nhưng Phương-pháp luận chỉ là công-trình của một nhà luận-lý một bác-học gia, cho nên ở đây cái tư-tưởng đó (le Cogito) chưa đạt đến giá-trị đầy đủ của bản thể (essence) như trong Méditations của Ông.

Cái tư-tưởng này đem lại một sự khởi-thực (une prise de conscience) vô cùng quan-trọng: «Tôi tư-tưởng vậy tôi có» (Cogito ergo sum).

Và khi tôi bảo một vật gì hiện-hữu, thế là tôi bảo nó hiện hữu ngoài tôi. Tính cách ngoại tại mà tôi gán cho sự vật mặc nhận một khoảng cách giữa thực tại được xác-nhận và sự xác-nhận của tôi : « sự thật, tôi chỉ có những ý-niệm biểu tượng những sự vật nhưng không bao gồm sự hiện hữu mà tôi xác-nhận khi tôi cho rằng đối-tượng chúng nó có thật. Trái lại trong câu : «tôi tư-tưởng», thì tư-tưởng là chính cái mà nó xác nhận ở giữa động-tác tư-tưởng và cái tư-tưởng không có khoảng cách nào, và hai cái là một.

Vì tư-tưởng chính là ý-thức về bản ngã và ý-thức không thể do sự suy nghĩ mà tách rời khỏi bản ngã như trong trường hợp hoài nghi, nó tách rời ra khỏi đối tượng. Động-tác suy nghĩ về ý thức không khác ý thức, không tách rời khỏi ý thức. Như vậy sự khởi thức trong Cogito không phải một ý-niệm như những ý-niệm khác : ở đây cái ý-niệm của tôi về tư tưởng tôi là sự hiện diện của thực-thể trong tư-tưởng tôi, tức là chính cái thực-thể của tư-tưởng tôi.

Phần V.— Trở về các vấn-đề khoa-học, và chú trọng đến các phát-minh về sự tuần-hoàn của huyết trong cơ-thể.

Phần VI.— Đề-cập đến các vấn-đề thuộc quang học và khí-tượng. Ở đây Descartes kêu gọi sự giúp đỡ của công-chúng để tiếp tục công việc minh.

Chúng tôi vừa lược trình trên đây về nội-dung Phương pháp luận. Nếu chỉ căn-cứ theo nội-dung đó, thì nhà bác-học chẳng có gì lắm để dắt dẫn họ trong việc tìm kiếm. Có kẻ ngạc nhiên rằng Phương-pháp luận hứa hẹn nhiều mà cung cấp ít : phải chăng Descartes muốn giữ bí-mật cho mình ? Sự thật, Descartes khi cho xuất-bản Phương-pháp luận, chỉ muốn cho công chúng một ý-niệm tốt đẹp về phương-pháp mình, để người ta giúp Ông tiền bạc hầu thực-hiện những cuộc thí nghiệm mà Ông cho rằng một mình Ông làm được thôi.

Descartes là một nhà bác-học kiêm thông cả toán học, vật-lý-học, sinh-vật-học. Tuy nhiên, về mặt khoa-học, chưa chắc Ông đã bì kịp những Galilée, Fermat, Harvey của thời Ông. Nhưng về mặt triết-học thì Descartes đã vượt xa tất cả người đương thời. Thế không phải vì Ông đã lấy một phương pháp duy nhất

mà bao trùm tất cả các vấn-đề để xây-dựng triết-lý của Ông, nhưng chính vì, trái lại, Ông đã vạch rõ rằng khoa-học, là sự nghiệp của con người không thể trở lại bao gồm tất cả con người. Descartes đã tìm thấy giữa ý thức con người và Đấng Chí-tôn, những liên-lạc khác với liên-lạc khoa-học. Và cái khoa-học kia, mà trong buổi ban đầu đã làm cho Ông ta hăng hái và hy-vọng nhiều, bây giờ Ông hoạch định phạm vi và cương-giới của nó. Descartes đã cho ta thấy rằng con người đã tạo ra khoa-học, không thể trở lại làm đối-tượng của Khoa-học không thể do Khoa-học giải-thích hoàn toàn được. Ngoài thế-giới những đối-tượng, con người vẫn giữ cái chiều hướng tự do không thể đồng hóa với cái gì khác ; cái chiều hướng tự do ấy, đặc-biệt có ý-thức con người, chính là cái siêu-hình.

Biến-trình tư-tưởng của Descartes, từ 1630 về sau, đã làm cho Descartes rời bỏ toán-học để nghiên-cứu siêu-hình ; nhờ đó, Ông đã đạt đến những nhận xét càng ngày càng rõ rệt về con người về địa vị của nó trong vũ-trụ, và về tự-do của nó.

Descartes không phải chỉ là triết-gia của những ý-niệm minh-tích, của một phương-pháp, hay của một thuyết duy-lý hẹp hòi. Bài học chính-yếu của Descartes để ta suy gẫm là con người còn có giá trị hơn tất cả cái nó có thể làm, hay nó có nghĩ, và ý thức con người không thể hy-sinh cho những chân-lý khách quan hay khoa-học, cuối cùng cũng chỉ là những giả-thuyết của ý-thức ấy thôi. Con người được tìm thấy như thế không phải là một mảnh vụn của một hệ-thống, một giai đoạn của một lịch-sử hay một đối-tượng của một khoa-học : nó là con người tự-do ; và bởi tự-do, nó đập vỡ tất cả hệ-thống, và không thể đồng hóa với một ý-niệm thuộc tiêu thức khoa-học.

Huế, ngày 7-4-1959

CAO-VĂN-LUẬN

PHƯƠNG - PHÁP - LUẬN

Để hướng-dẫn lý-trí và để sưu-tầm chân-lý trong các khoa-học

Nếu thấy tiểu-luận này quá dài không đọc luôn một lần được, người ta có thể chia làm 6 phần. Phần đầu là một ít nhận xét về các khoa học; phần hai là những quy-luật chính của phương-pháp mà tác-giả đã tìm ra; phần ba là một ít quy-luật chính của phương pháp mà tác-giả đã rút ra từ phương pháp đó; phần tư gồm những lý-do tác-giả dùng để chứng-minh có Thiên Chúa và linh-hồn con người, mà là những lý do làm nền-tảng cho siêu hình-học của tác-giả đã suy-tầm, nhất là các cắt nghĩa cử-động, của tim và một ít khó khăn khác thuộc về y-giới, và cũng nói đến sự khác biệt giữa hồn chúng ta và hồn của loài vật; và phần cuối, bàn về những điều tác-giả cho là cần-thiết để đi sâu hơn trước vào con đường sưu-tầm thiên-nhiên và những lý-do khiến tác-giả viết tiểu-luận này.

PHẦN THỨ NHẤT

VÀI NHẬN-XÉT VỀ CÁC KHOA-HỌC

Tính-cách quan trọng của phương-pháp.

Không phải nhờ lương - tri, nhưng chính nhờ phương-pháp mà người này hơn người khác.

Ở đời, lương-tri là cái được phân chia đều nhất: bởi vì ai ai cũng đều tin rằng mình đầy đủ lương-tri đến nỗi ngay những kẻ khó làm cho vừa lòng nhất trong mọi cái khác, thường cũng không ao ước có thêm. Về điểm đó chắc là không phải mọi người đều nhầm lẫn, nhưng đúng hơn, điều đó chứng-minh rằng khả-năng phán-đoán và phân-biệt chân, giả chính cái mà người ta gọi là lương-tri hay lý trí, tự nhiên là có đồng đều ở mọi người, và như thế sự khác biệt tư-tưởng giữa chúng ta không phải là do chỗ người này nhiều lý-trí hơn người khác, nhưng chỉ do chỗ chúng ta hướng dẫn tư-tưởng của chúng ta theo những đường lối khác nhau và chúng ta không cùng suy cứu những sự vật như nhau. Có lý-trí đứng đắn chưa đủ, điều cốt yếu là phải áp dụng lý-trí cho đúng cách. Những tâm-hồn cao cả nhất có thể có những tật xấu lớn nhất cũng như những nhân đức lớn nhất và những kẻ chỉ đi thật chậm, nếu họ cứ theo đường thẳng

có thể tiến xa hơn nhiều những người chạy mà tách xa hơn đường thẳng.

Không phải nhờ có trí-tuệ hơn người mà Descartes đạt đến những phát-minh, nhưng là nhờ phương-pháp

Phần tôi, tôi chưa bao giờ dám nghĩ rằng trí-tuệ của tôi hoàn toàn hơn trí-tuệ người thường một chỗ nào cả ; mà nhiều khi tôi lại ước ao có tư tưởng nhanh chóng, có trí tưởng-tượng rõ ràng và minh-bạch, có ký ức rộng rãi và trung-thành như một vài người khác. Tôi không thấy có cái gì ngoài tính cách kia có thể giúp vào việc bồi bổ cho trí-tuệ ; còn lý-trí hay lương-tri, chính vì nó làm cho ta thành người và phân-biệt chúng ta với súc vật, thì tôi quyết tin rằng nó có đầy đủ trong mỗi một chúng ta, và trong điểm này tôi quyết theo quan niệm chung của các triết-gia cho rằng chỉ nơi các túy thể mới có sự tăng giảm, còn nơi nguyên thể hay bản tính cốt yếu của các cá thể cùng một chủng loại thì không có.

Nhưng tôi không ngại nói là tôi tin tôi đã được cái may mắn lớn là ngay từ ngày còn trẻ đã được đặt chân lên những con đường dẫn tôi đến những nhận xét và những phương-châm để tạo thành một Phương-Pháp, nhờ đó tôi có phương-tiện để tăng gia kiến-thức của tôi dần dần từng bực một và dần dần nó lên đến điểm tối cao mà trí-tuệ tầm thường và đời sống ngắn ngủi của tôi cho phép đạt đến, Nhờ phương-pháp đó tôi đã đạt được những kết-quả lớn lao, nên mặc dầu những lúc tôi xét đoán về tôi, tôi luôn luôn cố

ngờ vực mình hơn là tự mãn, mà mặc dầu lúc nhìn các hành động và các công việc của tất cả mọi người với đôi mắt triết nhân, tôi thấy hầu như không có một cái gì là không hão huyền và vô-ích, tôi vẫn thấy hài lòng về những tiến triển tôi tưởng đã thực hiện được trong sự sưu-tầm chân-lý, và vẫn hoài bão những hy vọng lớn lao cho tương-lai, đến nỗi nếu trong các công việc của con người chỉ là người mà có một cái gì tốt đẹp và quan trọng thật, thì tôi dám tin rằng đó chính là cái tôi đã chọn được.

Mục-đích của tiểu luận này : phổ-biến phương-pháp và thử thách giá-trị của nó.

Tuy nhiên, có thể là tôi lầm, và cái mà tôi tưởng là vàng kim cương chẳng qua là một chút đồng hoặc mảnh kính. Tôi biết chúng ta có thể lầm về chúng ta đến bực nào, cũng như những phán đoán của các bạn bè, đáng chúng ta nghi ngờ như thế nào, khi họ tán thành chúng ta. Tôi rất sung-sướng làm cho mọi người nhìn thấy trong tiểu luận này, đâu là những con đường tôi đã theo và giăng trải cuộc đời tôi ra ở đây như một bức tranh, để mọi người có thể phán đoán, và nhờ nghe biết quan-niệm của kẻ khác, tôi có thể có một phương tiện học hỏi mới, thêm vào những phương tiện tôi đã quen dùng.

Như thế, ý-định của tôi không phải là để dạy ở đây phương pháp mà mỗi người phải theo để hướng dẫn lý-trí, nhưng mà để người ta biết tôi đã cố gắng hướng dẫn lý-trí, của tôi thế nào. Những kẻ vỗ ngực đem nguyên tắc ra dạy

đời, chắc là họ cho mình là tài ba hơn những kẻ họ muốn dạy và nếu họ sơ-suất một chút gì thì họ thực đáng trách. Nhưng vì chỉ đưa tiểu-luận này ra như một chuyện hay là nếu độc giả thích hơn, như một chuyện biến ngôn trong đó giữa những gương mẫu ta có thể noi theo, có lẽ cũng có những điều người ta có lý để không noi theo, tôi hy vọng rằng như thế tiểu-luận này sẽ hữu ích cho một ít người, mà không có hại cho ai cả và vì thế mọi người sẽ hiểu sự thành thật của tôi.

Lịch-trình giáo-huấn của tác-giả và những nhận-xét về khoa-học.

Giáo huấn đầu tiên của tác-giả.

Từ buổi thiếu thời tôi đã mải miết theo đòi văn-chương, và người ta bảo tôi là nhờ văn-chương ta có thể có được một kiến-thức rõ ràng và chắc-chắn về tất cả những gì hữu-ích cho cuộc sống, nên tôi đã hết sức ham muốn theo đuổi văn-nghệ. Nhưng vừa khi tôi học xong những lớp học mà sau đó người ta được liệt vào hàng học-giả, tôi đã hoàn toàn thay đổi ý-kiến, vì tôi vẫn bị vướng mắc không biết bao nhiêu hoài nghi và lầm lạc đến nỗi hình như tôi chỉ rút được một điều lợi trong lúc cố gắng học hỏi, là càng ngày càng thấy rõ cái dốt của mình.

Vậy mà tôi đã học ở một trong những trường danh tiếng nhất Âu-Châu là nơi mà tôi tưởng rằng nhất thiết có được những nhà thông-thái, nếu trên quả đất này có một chỗ

nào là có các nhà thông thái. Tôi đã học được tất cả những gì mà mọi người khác học được ở đó, và hơn nữa, học những khoa-học người ta dạy ở đó tôi vẫn chưa cho là đủ, tôi còn đọc qua những sách vở nói về những khoa học người ta cho là kỳ diệu và hiếm có nhất mà tôi có thể tìm được. Vả chăng, tôi còn được biết những lời kẻ khác phán-đoán về tôi mà tôi không hề thấy họ cho tôi thua kém các bạn đồng song của tôi, dẫu là trong bọn họ đã có người được chọn thay thế các bậc thầy của chúng tôi. Và sau hết, theo tôi thì thế kỷ của chúng ta có nhiều thiên-tài hơn hết các thế kỷ trước. Như thế tôi dám tự nhìn vào mình và dám nghĩ rằng ở trần gian này không có một học-thuyết nào là đúng như người ta đã làm cho tôi mong tưởng trước.

Vài nhận xét về các môn học khác nhau

Lợi-ích của chúng. Tuy thế tôi vẫn nhận thấy giá-trị những môn đem dạy ở các trường. Tôi biết rằng các cổ ngữ người ta học ở trường rất cần thiết cho sự thấu triệt các sách xưa, tôi biết cái lý thú của các chuyện biến ngôn thức tỉnh được trí-tuệ, tôi biết những hành động đáng ghi nhớ của lịch-sử nâng cao được tinh thần và nếu đọc một cách hợp lý, chúng giúp cho sự huấn luyện óc phán-đoán và đọc sách hay là cũng như nói chuyện với những người có học thức của những thế kỷ trước là tác-giả các sách ấy; hơn thế nữa, đó là một cuộc đàm thoại được cân nhắc trong đó các tác-giả chỉ cho ta thấy những tư

tưởng đẹp đẽ nhất của họ. Tôi cũng biết khoa Hùng-Biện có những mãnh lực và những vẻ đẹp vô giá, và Thi Thơ có những điểm mỹ-miều và những nét êm dịu quyến rũ được lòng người; khoa Toán học có những phát-minh rất tế nhị, có thể giúp nhiều vào việc thoả-mãn những kẻ hiếu-kỳ và làm cho các công nghệ thành dễ dàng và giảm bớt sức lao động của con người; những sách vở viết về phong hóa chứa đựng nhiều chỉ bảo và nhiều lời kêu gọi thực-hành nhân-đức rất là bổ ích; khoa Thần-học dạy cho ta biết tìm được thiên đường và khoa-học triết-lý cho phương tiện để nói một cách hợp lý về mọi sự và làm cho những kẻ kém học phải thán-phục; khoa Luật-học, Y-học và những khoa học khác đem lại vinh-quang và phú quý cho những kẻ theo đòi chúng; và sau hết, tôi biết rằng cũng nên học qua tất cả những môn học đó ngay cả những môn học dị đoan nhất là lầm lạc nhất, để biết chân giá trị của chúng và để khỏi lầm lạc theo.

Tại sao tác giả từ bỏ các khoa-học kia Nhưng tôi tin rằng đã tốn khá nhiều thì giờ về các cổ-ngữ, để đọc các sách cổ-thư, và các truyện thực cũng như các chuyện biến ngôn ở các cổ-thư ấy. Đàm thoại với những người thuộc các thế-kỷ khác, cũng chẳng khác gì đi du-lịch. Ta nên biết qua về các phong-tục của các dân-tộc khác nhau, để có thể phán-đoán phong-tục chúng ta đúng hơn, và để chúng ta không còn cho rằng cái gì nghịch với lối sinh-hoạt của chúng ta là nực cười hay nghịch lý như những kẻ chưa hề thấy gì thường nghĩ. Nhưng khi người ta dùng quá nhiều thì giờ để du-lịch người ta thường xa lạ với

quê-hương, và khi người ta quá tò mò về những cách sinh hoạt của những thế-kỷ trước, người ta trở thành dốt nát về những tục lệ ngày nay. Hơn nữa, những chuyện cổ-truyền làm cho ta tưởng tượng nhiều việc như là có thể xảy ra, mà thực là không thể và ngay cả những trang sử trung thành nhất, nếu không thay đổi hay phóng đại giá-trị, các sự việc để làm cho chúng đáng đọc hơn, thì ít ra cũng luôn luôn bỏ qua những hoàn cảnh tầm thường và ít vẻ vang nhất ; do đó phần còn lại không còn đúng với sự thật nữa và những kẻ muốn sống theo những gương họ rút ở lịch-sử ra đều có thể sa vào những hành-vi kỳ dị của những kiếm-khách tiểu-thuyết và nuôi những hoài bão, những ý-định vượt quá sức mình.

Tôi hiểu giá trị của khoa Hùng-biện và tôi yêu Thi Thơ nhưng tôi cho rằng cả hai thứ đó đều là những thiên tài hơn là những kết-quả của học hỏi. Những người có lối lý-luận hùng hồn nhất, và biết nghiền-ngẫm tư tưởng của họ rất có thể thuyết-phục mọi người theo những cái họ nêu ra, dẫu họ chỉ nói được tiếng nhà quê Bretagne và không bao giờ học khoa tu từ ; và những kẻ có những phát-minh hay đẹp nhất, và biết diễn tả ra một cách hoa-mỹ và êm dịu nhất, bản là những nhà thơ hay nhất, dẫu họ không biết gì về thi pháp

Tôi đặc biệt yêu thích khoa Toán học vì lý-luận của nó chắc chắn và hiển nhiên, nhưng tôi chưa thấy được công dụng chân thực của nó và vì tưởng nó chỉ giúp cho các công nghệ máy móc nên tôi lấy làm lạ tại sao nền tảng của nó chắc chắn và vững-vàng như thế người ta lại không xây-dựng được lên đó một cái gì cao siêu hơn. Ngược lại, những sách vở của người ngoại-giáo xưa bàn về phong-hóa thực là giống như những cung điện nguy nga, đẹp đẽ, nhưng chỉ

được xây trên cát bụi bùn lầy ; họ tâng bốc các nhân đức lên thật cao và cho các nhân đức kia là cao quý nhất ở đời, nhưng họ không dạy cho người ta đủ hiểu biết các nhân đức đó, và đôi khi cái mà họ gọi bằng một danh từ hết sức đẹp đẽ, chỉ là một tính vô cảm, một tật kiêu căng, hay là một tuyệt vọng, một tội sát nhân.

Tôi tôn trọng khoa Thần học của chúng ta và cố gắng hơn hết cả mọi người để được lên Thiên đàng. Nhưng vì đã biết chắc chắn rằng đường lên Thiên Đàng là đường mở chung cho những kẻ dốt nát nhất cũng như cho những người thông thái nhất, và các chân-lý mặc khải dẫn dắt lên Thiên Đàng vượt hẳn tầm trí tuệ của chúng ta, nên tôi không còn dám lấy lý-luận thấp hèn của tôi mà cứu xét. Và tôi nghĩ rằng muốn khảo sát các chân-lý ấy và thành công trong việc đó thì cần phải có một sự giúp đỡ phi-thường của Chúa và phải vượt hẳn con người.

Về khoa Triết-học, tôi chỉ muốn nói một điều này : nó đã được nghiền ngẫm bởi những bộ óc minh mẫn đã sống từ bao nhiêu thế-kỷ trước, thế mà không có một điều gì người ta đồng ý kiến với nhau, và bởi đó không có điều gì là không đáng nghi ngờ, vì thấy thế nên tôi không quá tự mãn, và hy vọng sẽ thành công hơn các người khác ở trong môn này ; vả lại xét rằng về chỉ một vấn-đề thôi, các nhà thông thái đã đưa ra không biết bao nhiêu quan-niệm khác nhau, mà bao giờ cũng chỉ có một là đúng thực, nên cái gì chỉ có vẻ đúng ; thì tôi cho hầu như là sai lạc.

Lại đối với các khoa học khác, chính vì chúng rút các nguyên-tắc của chúng từ triết học ra, nên tôi cho rằng người ta không thể xây dựng một cái gì chắc chắn trên những nền

tảng kém vững vàng như thế được. Còn danh vọng hay tiền tài các khoa học ấy hứa hẹn, thực không đủ để lôi kéo tôi học hỏi. Vì nhờ ơn trên, tôi không gặp phải một hoàn cảnh bắt buộc phải phải lấy khoa học làm kế sinh nhai, và dẫu tôi không chuyên khinh-miệt danh-vọng như một nhà « khuyền nho », tôi vẫn không coi là gì cái thứ danh-vọng tôi chỉ có thể có được nhờ những danh hiệu giả trá. Và sau hết, đối với những tà-thuyết, tôi tin rằng tôi đã biết khá nhiều về giá trị của chúng để khỏi phải lầm lạc, hoặc bởi những hứa hẹn của những nhà luyện kim, hoặc bởi những lời tiên-tri của một nhà chiêm tinh hoặc bởi những điều giả dối của một tên phù thủy, hay bởi những sự gian lận hay sự khoe khoang của những kẻ muốn tỏ ra mình biết nhiều hơn là họ biết thực

Chương-trình một lối đào-luyện mới nhờ kinh-nghiệm và suy-luận cá-nhân.

Bởi thế ngày tôi đến tuổi cho phép tôi thoát ách các thầy học, tôi liền bỏ hẳn khoa văn chương. Và nhất quyết không tìm kiến-thức nào khác ngoài kiến-thức tôi có thể tìm thấy nơi bản thân tôi và trong quyển sách lớn của vũ-trụ, tôi đã dùng những ngày còn lại của tuổi thanh-niên để du lịch và thăm viếng các triều đình, các quân đội, lui tới với những người tính tình và hoàn cảnh xã-hội khác nhau, để thâu thập kinh-nghiệm và thử sức tôi trong những cuộc gặp gỡ mà cơ hội đem lại và để đâu đó suy nghĩ về các sự việc gặp phải, hầu thu lượm một vài điều bổ ích cho tôi. Thiết tưởng trong những lập-luận của mỗi người khi họ suy tính những việc can-hệ đến họ, những việc mà nếu xảy ra sẽ tai hại cho họ,

nếu họ đã phán đoán sai, tôi có thể tìm thấy nhiều chân-lý, hơn là trong những lập-luận của một học giả ngồi trong thư phòng suy nghĩ đến những chuyện bông lông, không hữu-quả và không liên-hệ gì đến ông ta về sau, có chăng là những chuyện suy tưởng đó càng xa lẽ phải thường tình bao nhiêu, thì có lẽ ông ta lại càng tự hào bấy nhiêu vì ông ta đã càng phải vận dụng tài trí và mánh khoé nhiều để gắng làm cho chúng gần với sự thực. Và tôi bao giờ cũng rất muốn học để biết phân-biệt cái chân cái giả, để thấy rõ trong hành động của tôi và để vững bước trên đường đời.

Thực ra trong lúc chỉ quan-sát phong tục của các người khác tôi cũng không tìm thấy một cái gì làm cho tôi chắc chắn, và ở đây tôi cũng thấy những sự sai khác gần như tôi đã thấy trước kia ở tư-tưởng của các triết-gia vậy. Vì thế cái lợi lớn nhất tôi đã rút ra được ở đây là thấy nhiều điều, dẫu đối với chúng ta thực là kỳ cục và nực cười, mà vẫn được nhiều dân-tộc lớn khác nhất tâm thừa nhận và tán thành nên tôi đã tập được cái tính không còn tin một cách quá chắc chắn những gì tôi đã chỉ tin vì gương kẻ khác, hoặc vì tục-lệ; và như thế, dần dần tôi bỏ được nhiều điều nhầm-lẫn có thể làm lu mờ ánh sáng tự nhiên của chúng ta và làm cho chúng ta kém sức hiểu biết lẽ phải hơn. Nhưng sau khi đã dùng ít năm để học hỏi như thế trong quyển sách vũ-trụ và cố gắng thu thập kinh nghiệm một ngày kia tôi đã quyết định tìm học ở chính mình tôi và dùng tất cả những năng lực của trí tuệ để chọn lấy những đường lối phải theo. Tôi tưởng rằng điều đó đã đem lại cho tôi nhiều thành-công hơn là trong trường-hợp tôi đã không xa lìa quê hương và sách vở.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG QUI LUẬT CHÍNH CỦA PHƯƠNG PHÁP

Lúc bấy giờ tôi ở Đức ; tôi đã đến đây vì chiến tranh chưa chấm dứt ; và lúc tôi đi dự lễ đăng quang hoàng-đế trở về quân ngũ là lúc mùa đông bắt đầu, tôi phải dừng lại một làng nhỏ, ở đó không có ai đàm-đạo, giải-trí, và đàng khác cũng may không có nỗi lo lắng hay cảm tình nào làm bận lòng, nên suốt ngày tôi ở miết một mình trong một phòng sưởi, ở đây tôi có đủ thì giờ nhàn rỗi để nghiền ngẫm suy tưởng.

Những lý do khiến tác giả kiểm soát lại kiến thức của mình.

Để thống nhất kiến thức

a) Nguyên lý.— Một trong những ý nghĩ đầu tiên của tôi là nhận xét rằng những công cuộc gì gồm nhiều bộ-phận và làm bởi nhiều chủ, thì thường không được hoàn hảo như công cuộc do riêng một mình sáng tạo.

b) Ví dụ.— Chẳng hạn, người ta thấy rằng những

ngôi nhà do một kiến trúc sư xây cất và hoàn thành thường đẹp và cân đối hơn những nhà cửa mà người ta cố vá víu bằng cách dùng những vách tường ngày trước định dùng vào những việc khác.

Cũng thế, những đô-thị xưa, ban đầu chỉ là những xóm nhỏ, qua thời gian kế tiếp đã trở thành những thành phố lớn thường thiếu cân đối biết mấy, khi đem so sánh với các đô thị có lớp lang mà một nhà kỹ sư đã xây theo sáng kiến của mình trên một cánh đồng bằng, dẫu rằng, nếu đem xem xét từng ngôi nhà một của đô thị cũ ấy, người ta vẫn thấy có mỹ thuật bằng hoặc nhiều hơn các nhà cửa của thành phố khác ; tuy nhiên khi thấy chúng được xếp đặt đây một cái lớn, đó một cái nhỏ, làm cho đường phố cong co và thiếu đều đặn, người ta phải nói rằng chính cái ngẫu nhiên chứ không phải ý muốn của những con người có lý trí đã xếp đặt như thế kia. Và nếu người ta xét rằng thời nào, tuy thế, cũng có các công chức mà nhiệm vụ là xem chừng nhà cửa tư nhân để chúng có thể giúp vào vẻ đẹp công cộng, người ta sẽ nhận thấy rõ ràng là rất khó mà thực hiện những công cuộc hoàn hảo, nếu người ta chỉ sửa sang công việc của người khác.

Bởi đó tôi nghĩ rằng những dân tộc xưa kia bán dã man rồi chỉ văn minh hóa dần dần nếu họ chỉ lập luật lệ chừng nào sự tai hại của tội ác và của tranh chấp bắt họ phải lập, thì không thể nào được tổ chức hoàn bị như những dân tộc mà ngay từ buổi đầu khi mới họp lại, đã tuân theo những pháp chế của một nhà lập pháp khôn ngoan. Cũng như chúng ta

chắc rằng tôn giáo chân chính gồm những lề luật do một mình Thiên Chúa đặt định, thì nhất thiết phải có một tình trạng tổ-chức vô cùng đẹp hơn các tôn giáo khác. Và nói về những sự việc loài người, thì tôi tin rằng nếu ngày xưa dân Sparte đã rất thịnh vượng, đó không phải bởi tính cách tốt đẹp của từng mỗi một điều luật của họ, vì họ có nhiều điều luật thật là lạ lùng và trái ngược với luân lý, nhưng chính bởi các đạo luật kia đã chỉ do một người tìm ra, nên đều hướng về một mục đích.

c) *Áp dụng.*— Và bởi vậy tôi nghĩ rằng những khoa-học trong sách vở, ít ra là những khoa học mà lý lẽ chỉ là khả chân và không có lấy một chứng minh nào, nhưng đã được cấu tạo và tô bồi dần dần bởi những tư tưởng của nhiều người, thì không hẳn đã gần chân lý như những lý-luận đơn giản một người có lương-tri trình bày một cách tự nhiên về những sự việc nọ kia.

Và cũng vì vậy mà tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta đã là trẻ con trước khi trưởng thành và đã bị các khuynh hướng tự nhiên và các nhà giáo dục hướng dẫn, mà các khuynh-hướng ấy và các nhà giáo dục kia thường phản nghịch nhau và có lẽ không phải là đôi bên đã luôn luôn dạy bảo chúng ta những điều tốt nhất, như thế khó mà phán đoán chúng ta có đầy đủ lý-trí ngay từ lúc sơ sinh mà bao giờ cũng được một mình lý trí hướng dẫn.

d) *Vài nhượng bộ.*— Cố nhiên chúng ta không hề thấy người ta phá đổ tất cả nhà cửa của một thành phố chỉ vì muốn xây dựng lại một cách khác hay để làm cho các đường

phố đẹp đẽ hơn, nhưng ta vẫn thấy nhiều người phá nhà của họ để xây lại và đôi khi họ bị bắt buộc phải làm thế khi nhà họ có cơ nguy tự nhiên sập xuống và nền móng không được vững vàng.

Tác-giả không muốn cải-hóa Quốc-gia, nhưng cải hóa tư-tưởng của mình.

Theo gương đó, tôi tự nghĩ rằng không lý gì một tư-nhân lại muốn đứng lên cải tạo một quốc gia bằng cách thay đổi tất cả từ những nền tảng và bằng cách phá đổ để xây dựng lại, hoặc cải tạo cả toàn thể khoa học, hay những thể-thức đã thành lập ở các trường để dạy các khoa học ấy ; nhưng tôi tự bảo rằng, đối với các quan niệm tôi tin nhận từ trước đến nay, tôi nên cố vứt bỏ hết cùng một lượt, để sau đó có thể chấp nhận lại những quan-niệm khác đúng đắn hơn, hoặc chấp nhận lại chính giữa quan-niệm cũ, sau khi đã lấy lý-trí đắn đo chúng lại. Và tôi tin chắc rằng, nhờ phương thế này, tôi sẽ thành công trong sự hướng dẫn đời tôi một cách chắc chắn hơn là trường hợp tôi chỉ xây-dựng trên những nền tảng cũ kỹ và chỉ dựa vào những nguyên-lý tôi đã được người ta nhồi sọ lúc tôi còn trẻ mà chưa bao giờ xét xem chúng có thật đúng không.

Tuy tôi nhận thấy ở đây nhiều khó khăn, nhưng những khó khăn đó không phải là không thể thắng lướt được, và cũng không thể đem so sánh với những khó khăn người ta

gặp phải trong việc cải tạo những gì nhỏ mọn nhất liên hệ đến đời sống công cộng. Những cơ-cấu xã hội lớn lao kia khó mà dựng lên được một khi bị đạp đổ, và ngay cả đến việc giữ cho khỏi sụp đổ khi bị lung lay, cũng là khó, và khi sụp đổ thì chắc chắn sẽ sụp đổ một cách nặng nề. Lại nữa, nếu những cơ cấu ấy có gì khuyết điểm, chỉ sự sai lầm khác giữa chúng cũng đủ chứng minh điều đó — thì nguyên sự ta đã dùng chúng, chắc cũng làm cho những khuyết-điểm của chúng dịu đi nhiều và có khi cũng đã tránh được hoặc sửa chữa được nhiều điều thường không dùng khôn khéo mà sửa đổi hẳn hoi như thế được. Và sau hết, những khuyết-điểm ấy hầu như bao giờ cũng dễ chịu đựng hơn là lúc chúng bị thay đổi đi, cũng như những con đường chạy quanh co trong rừng núi dần dần trở thành bằng phẳng và tiện lợi vì người ta qua lại nhiều, cho nên đi theo những đường ấy vẫn hơn là tìm cách đi thẳng mà phải trèo băng qua các tảng đá hay lần xuống tận đáy các hố vực.

Bởi thế tôi không thể tán-thành những hạng người nóng nảy và băn-khoăn, dòng dõi họ, vận mạng họ không đòi hỏi họ đứng ra gánh vác việc công, thế mà họ vẫn luôn luôn nghĩ tới việc cải cách điều nọ, sửa đổi chuyện kia. Và nếu tôi biết rằng trong sách này có cái gì có thể làm cho người ta nghi ngờ tôi có ý nghĩ điên cuồng đó, thì tôi sẽ rất hối hận vì đã cho nó xuất bản. Không bao giờ ý-định của tôi vượt ra ngoài việc cố gắng cải tạo và xây-dựng tư tưởng của tôi trên một cơ-sở hoàn toàn thuộc riêng tôi.

Cuộc cải-tạo tư-tưởng này tác-giả khuyên nên tránh

Tôi khá thích công việc của tôi, nên tôi trình bày nó ra đây để làm kiểu mẫu, nhưng không phải vì thế mà tôi muốn khuyên mọi người bắt chước. Những người được Thiên chúa ban cho nhiều tài năng hơn có thể có những ý định lớn lao hơn, tuy nhiên tôi vẫn sợ rằng ý định của tôi đây đã quá táo bạo đối với nhiều người. Quyết định vứt bỏ hết những quan niệm mình đã tin tưởng trước, thực không phải là một gương mà ai ai cũng nên theo. Và thế gian hầu như chỉ gồm có hai hạng người mà cái gương này không thích hợp chút nào. Đó là những người tin mình tài giỏi hơn thực lực của mình, nên không thể không hấp tấp khi phán đoán, và cũng không thể có đủ kiên nhẫn để thứ tự hướng dẫn tất cả những tư-tưởng của mình: do đó, nếu lúc nào họ tự tiện ngờ vực các nguyên-tắc đã thâu nhận được và tách lìa đường lối thông thường, thì họ sẽ không bao giờ theo được đường lối phải theo để đi thẳng hơn và sẽ bị lạc đường suốt đời. Thứ đến những kẻ có đủ lý-trí và khiêm tốn để nhận rằng họ không đủ lực phân biệt chân giả bằng một ít người khác là những người có thể dẫn dắt họ, vì thế họ đành lòng theo tư tưởng của những người này hơn là tự mình tìm lấy những quan niệm đúng hơn.

Thoát-ly nghi ngờ và tìm ra một nền tảng chắc chắn.

Và riêng về tôi, có lẽ tôi đã thuộc về hạng người sau nếu từ trước tôi đã chỉ có mỗi một thầy dạy, hoặc nếu tôi đã không nhận thấy rằng giữa các tư-tưởng của các nhà học-giả bực nhất, đã luôn luôn có

những điều sai khác. Nhưng đã nhận định được ngay từ ngày còn ở trường học rằng, người ta không thể tưởng tượng ra một điều gì rất mực kỳ quái và khó tin mà triết gia này hay triết-gia khác đã không nói đến; và về sau, khi đi du-lịch, vì nhận thấy rằng tất cả những kẻ có những tư-tưởng rất trái nghịch với tư-tưởng chúng ta, vẫn không vì thế mà đều là những kẻ mọi rợ hay dã man, nhưng có nhiều người biết xử-dụng lý-trí như hay nhiều hơn chúng ta ; và vì xét rằng cùng một con người ấy với cùng một tâm não mà được nuôi nấng từ thuở bé giữa những người Pháp hay những người Đức, thì sẽ khác hẳn biết bao nhiêu với chính người ấy, nếu người ấy luôn luôn sống giữa những người Trung-Hoa, hay các dân mọi ăn thịt người ; và, trong cách ăn mặc, cái mà chúng ta đã thích trước đây mười năm và có lẽ chúng ta sẽ thích mười năm về sau, hiện bây giờ đối với chúng ta, thực là lố-bịch và nực cười như thế nào : chính tập tục và gương kẻ khác làm cho chúng ta tin theo hơn là một kiến-thức chắc chắn nào, tuy nhiên ý-kiến đa số không phải là một bằng chứng có giá-trị đối với những chân-lý hơi khó tìm ra, vì một người tìm ra chúng thì có lẽ đúng hơn là cả một dân-tộc cùng tìm ra, vì những lẽ ấy, nên tôi không thể lựa chọn được một người nào có những quan-niệm tôi có thể xem là hơn quan-niệm của các người khác, và tôi thấy như bắt buộc ra tay tự mình hướng dẫn lấy mình.

Các quy - luật của phương - pháp

Nhưng cũng như một người đi một mình trong bóng tối, tôi nhất quyết đi thất chậm và hết sức thận-trọng trong mọi sự để dầu có chậm tiến, ít ra cũng giữ mình khỏi ngã.

Chính tôi đã không muốn bắt đầu vứt bỏ hoàn toàn một quan-niệm nào trong những quan-niệm xưa kia tôi đã tin nhận mà không được lý-trí chấp-nhận, trước khi chưa bỏ ra đủ thì giờ để liệu-định công việc tôi muốn làm và tìm ra phương pháp chân-chính khả dĩ nhận-thức tất cả những gì mà trí-tuệ tôi có thể nhận thức được.

Buổi thiếu thời tôi đã học được ít nhiều trong các phần của Triết-học, phần Luận-Lý học, và trong Toán học, phần Phân-tích của các nhà hình học, và phần Đại-số học; ba Nghệ thuật hay ba khoa học xem như có thể giúp ích một phần nào cho ý-định của tôi. Nhưng khi khảo sát các khoa ấy tôi đã nhận thấy rằng về khoa luận lý, các tam đoạn luận và phần nhiều những qui luật khác của nó chỉ giúp ta cắt nghĩa cho kẻ khác những điều ta đã biết, hay như nghệ-thuật của Lulle, chỉ giúp ta nói mà không phán-đoán, về những điều ta không biết, hơn là giúp ta học biết những điều đó. Và thực ra dẫu rằng luận-lý học bao hàm nhiều quy tắc rất đúng và rất hữu ích, nó vẫn có không biết bao nhiêu điều trộn lẫn vào hoặc rất có hại hoặc dư thừa mà muốn phân biệt ra cũng khó gần như khắc tạc một tượng Diane hay Minerve từ một khối cẩm thạch chưa phác. Lại đối với khoa phân tích thời xưa và khoa đại số thời nay, ngoài chuyện chúng chỉ bao hàm những địa vực rất trừu tượng và hình như không có một công-dụng nào thì khoa học đầu luôn luôn giới hạn trong sự quy cứu các hình đến nỗi nó không thể luyện tập trí-tuệ mà không làm mệt trí tưởng-tượng, còn ở khoa học sau, thì người ta phải khư khư tuân theo một ít qui-luật

và một ít con số, nên người ta đã làm cho nó biến thành một nghệ-thuật hỗn độn và mờ mịt làm rối loạn trí óc, không còn là một khoa-học mở mang trí-tuệ. Do đó tôi nghĩ rằng phải tìm ra một phương-pháp khác gồm những ưu-điểm của ba khoa-học kia mà không có những khuyết-điểm của chúng. Và vì chính sự nhiều luật-lệ đã thường giúp cho những tật xấu có lẽ để chữa mình, bởi thế khi một quốc-gia chỉ có ít lề-luật, thì sẽ được điều-hòa hơn vì các điều luật ấy được tuân giữ chặt chẽ hơn; thay vì cái mớ khổng lồ những điều luật gồm trong Luận-lý học, tôi tin rằng tôi chỉ cần bốn điều luật sau đây thôi, miễn là tôi vững vàng nhất quyết bao giờ cũng tuân theo.

Luật Hiển nhiên.— Quy luật đầu là không nhận một điều gì là thực nếu tôi không thấy một cách hiển nhiên là thực : nghĩa là cẩn-thận tránh sự hấp-tấp và thành-kiến và không chấp nhận trong lúc phán-đoán một cái gì ngoài những cái xuất hiện trước trí óc tôi một cách rõ ràng và phân minh đến nỗi tôi không có lý-do để hoài nghi nữa.

Luật Phân-tích.— Quy-luật thứ hai là phàm những vấn-đề khó khăn tôi nghiên cứu cần phải được phân chia ra nhiều phần nhỏ hết sức để giải-quyết cho dễ dàng hơn.

Luật Tổng Hợp.— Quy-luật thứ ba là hướng-dẫn tư-tưởng tôi cho có thứ-tự, bắt đầu bằng những đối-tượng đơn-giản và dễ nhận biết nhất để tiến dần lên như là từng bực một để đi đến sự nhận-thức những điều phức-tạp nhất, và ngay giữa những đối-tượng tự nhiên không có cái gì trước cái gì sau, thì cũng giả thiết có thứ-tự.

Luật kiểm số đầy đủ.— Quy-luật cuối cùng là luôn luôn kiểm số một cách đầy đủ và duyệt lại một cách tổng-quát thế nào để cho tôi có thể tin chắc là không bỏ sót một cái gì cả.

Những áp-dụng và những kết-quả đầu tiên của phương pháp.

Những chuỗi lý-luận thứ lớp rất đơn-giản và rất dễ dàng mà các nhà bác học thường dùng để đi đến những chứng-minh khó khăn nhất, đã cho tôi cơ-hội để nghĩ rằng tất cả mọi sự mà con người có thể nhận thức được đều nối tiếp nhau cùng một lối đó, và chỉ miễn là người ta tránh đừng nhận là thật cái gì không thật, và luôn luôn tuân theo thứ tự cần kíp để suy diễn từ cái này đến cái khác, thì không có gì mà quá xa xôi mà cuối cùng người ta không đạt đến và không có gì quá bí ẩn mà người ta không tìm ra. Và tôi cũng không phải vất vả mấy để tìm cho biết phải bắt đầu bằng những cái gì: vì tôi đã biết là phải bắt đầu bằng những điều đơn giản nhất và dễ nhận thức nhất, vả chăng, xét trong tất cả những người đã tìm kiếm chân-lý trong các khoa-học xưa nay, chỉ có các nhà toán học là đã có thể tìm ra một ít chứng minh, nghĩa là một ít lý-lẽ chắc chắn và hiển nhiên, nên tôi tin chắc rằng phải bắt đầu bằng chính những cái mà họ đã cứu xét, dẫu rằng tôi không hy-vọng tìm thấy một ích-lợi nào khác, ngoại trừ việc lý-luận kia sẽ làm cho trí não tôi quen tha thiết với chân lý và không bao giờ đành nhận những lý-

lẽ sai lạc. Nhưng tôi không vì đó mà có ý định cố học tất cả những khoa-học riêng biệt mà người ta thường gọi là Toán học: và vì thấy rằng tuy đối tượng của chúng khác nhau nhưng tất cả các khoa học này đều hoà hợp với nhau ở chỗ chúng không khảo sát một cái gì ngoài những tương-quan hay những tỷ lệ khác nhau ở trong các đối tượng đó, nên tôi nghĩ rằng tôi chỉ nên xem xét những tỷ-lệ nào một cách tổng-quát thôi chứ không giả thiết có chúng trong những đề tài có thể giúp tôi nhận thực một cách dễ dàng hơn, mà cũng không gò ép chúng vào đó chút nào cả, để có thể áp dụng chúng một cách dễ dàng hơn sau này vào tất cả những đề tài khác mà chúng xứng hợp. Lại nữa, đã để ý rằng muốn nhận biết chúng tôi cần phải hoặc đôi khi khảo sát chúng riêng từng cái một, hoặc đôi khi chỉ nhớ đến chúng hay bao gồm chúng nhiều cái lại với nhau nên tôi nghĩ rằng để có thể khảo sát từng cái cho tử tế hơn, tôi phải quan niệm chúng như những đường, vì lẽ tôi không thấy một cái gì đơn-giản hơn, hoặc tôi có thể hình dung ra trong trí tưởng tượng hay qua giác quan một cách minh-bạch hơn; nhưng trái lại, để nhớ đến chúng hay bao quát chúng nhiều cái một lượt, thì tôi phải cắt nghĩa chúng bằng những ký-hiệu hết sức ngắn và nhờ thế tôi mượn được tất cả cái tinh hoa của khoa phân tích hình học và khoa đại số và sửa những khuyết điểm của khoa này nhờ khoa kia.

Quả thế, tôi dám quyết rằng sự tuân theo chín chắn số qui luật tối thiểu tôi đã lựa chọn ấy đã làm cho tôi tháo gỡ được tất cả những vấn đề thuộc phạm vi hai khoa học này một cách dễ dàng đến nỗi chỉ trong vài ba tháng mà tôi dùng

để khảo sát chúng bắt đầu bằng những cách đơn giản và tổng quát và vì mỗi một chân lý tôi tìm ra lại biến thành một quy luật giúp tôi tìm những chân lý khác sau này, không những tôi giải quyết được nhiều vấn-đề xưa kia tôi cho là rất khó khăn mà lại về sau tôi thấy hình như ngay cả trong những vấn đề mà tôi không hiểu biết tôi cũng có thể xác định được phải dùng phương pháp nào để giải-quyết chúng và có thể giải quyết đến mức nào. Về chuyện này có lẽ độc giả không cho tôi là khoe khoang, nếu độc giả xét cho rằng trong mỗi sự việc chỉ có một chân-lý, bất cứ người nào tìm ra chân-lý, cũng biết được tất cả những gì người ta có thể biết được; chẳng hạn một đứa bé học toán học đã làm một bài toán cộng đúng theo quy pháp, thì nó có thể tin rằng đã tìm thấy về cái tổng số nó khảo sát, tất cả những gì mà trí óc loài người có thể tìm ra được. Vì thực ra cái phương-pháp cho người ta biết theo thứ tự chính thực và biết kiểm số chắc chắn tất cả những trường hợp về điều người ta tìm kiếm, nó chứa đựng tất cả những gì đem lại tính cách chắc chắn cho các quy luật toán học.

Nhưng cái làm cho tôi thỏa mãn nhất về phương pháp này là, nhờ nó, tôi chắc chắn xử-dụng được lý-trí trong mọi sự nếu không phải là một cái hoàn toàn đi, thì ít ra cũng là một cách đứng đắn nhất với sức tôi. Ngoài ra, tôi còn cảm thấy rằng, thực hành phương-pháp này tôi dần dần quen nhận thức đối tượng của nó một cách rõ ràng phân minh hơn và vì không ép buộc lý-trí tôi theo một khu vực cào riêng biệt, tôi hy-vọng sẽ xử-dụng nó một cách hữu ích trong các vấn đề khó khăn của các khoa-học khác cũng như tôi đã xử-dụng

trong khoa đại số vậy. Không phải là vì thế mà tôi dám ra công khảo sát ngay từ đầu tất cả những khó khăn tôi gặp phải vì chính như thế là trái với thứ tự mà phương pháp nay buộc phải theo. Nhưng nhận thấy rằng nguyên lý của các khoa học khác đều mượn ở triết học cả mà ở khoa này tôi không thấy có nguyên lý nào chắc chắn; nên tôi nghĩ rằng trước hết cần phải cố gắng tìm ra triết-học một ít nguyên lý chắc chắn đã, và đó là một điều quan trọng nhất ở đời và ở đây, sự hấp tấp và thành kiến là đáng sợ hơn đâu cả, bởi đó tôi không nên cố công thành tựu trước khi tôi đến tuổi chín chắn hơn cái tuổi hai mươi ba của tôi hồi đó. Và trước khi tôi có rất nhiều thì giờ để sửa soạn, xóa tẩy khỏi trí óc tôi những quan niệm sai-lầm mà tôi đã thụ lãnh trước kia, cũng như gom góp thật nhiều kinh nghiệm để sau này đem ra làm tài liệu cho lý luận của tôi và luôn luôn luyện tập cái phương pháp mà tôi đã đặt ra cho tôi để càng ngày càng nắm vững lấy nó hơn.

PHẦN THỨ BA

MỘT ÍT QUI-TẮC ĐẠO-ĐỨC RÚT TỪ PHƯƠNG PHÁP NÀY RA.

Và sau hết, cũng như trước khi bắt đầu xây dựng lại cái nhà mình ở, không phải đập đổ nhà cũ và gom góp vật liệu và tìm ra kiến trúc sư, hay tự mình tập luyện về khoa kiến trúc, và ngoài ra họa đồ nhà mới một cách công-phu là đủ. nhưng còn phải tìm ra một ngôi nhà khác để có chỗ ở thuận tiện trong lúc ta xây nhà mới, như vậy, để tôi khỏi do dự trong hành động, lúc lý-trí tôi bắt tôi phải do dự trong phán đoán và để tôi vẫn có thể sống một cách hết sức hạnh phúc, tôi đã tự tạo lấy một luân lý tạm thời chỉ gồm ba bốn qui tắc, tôi xin trình bày với độc-giả.

Những qui-tắc đạo-đức tạm thời

Qui-tắc thứ nhất là tuân theo lề luật và tập tục của xứ sở tôi, luôn luôn giữ cái tôn-giáo mà Thiên-Chúa đã ơn cho tôi, được biết từ buổi thơ ấu, và trong mọi sự cư-xử đúng theo những quan-niệm mà những người khôn-ngoan nhất trong những người tôi chung sống đã chấp nhận và thực-hành. Vì đã bắt đầu khinh bỏ các quan-niệm riêng của

để đem tất cả ra mà xét lại nên tôi tin chắc rằng tôi không tôi thể làm gì hơn là theo quan-niệm của những người khôn ngoan nhất. Và tuy rằng giữa dân Ba-tư hay dân Trung-hoa có thể có những người không ngoan không kém gì người chúng ta, nhưng tôi thiết-tưởng bắt chước những người cùng chung sống với tôi vẫn hữu ích hơn ; và muốn biết quan-niệm của họ thực là thế nào, tôi phải để ý đến những việc họ làm hơn là những lời họ nói, không những tại trong tình trạng thối nát của phong-hóa ngày nay, ít người muốn nói ra tất cả những điều họ tin, nhưng còn tại nhiều người chính họ không biết họ tin gì nữa, vì tác động tư tưởng trong việc tin một điều gì, khác hẳn với tác động tư tưởng trong việc nhận biết người ta tin điều đó, hai tác động tư-tưởng ấy thường không đi với nhau. Và trong những quan niệm cùng được chấp nhận như nhau, tôi chỉ nhận những quan-niệm ôn-hòa nhất : một đàng là vì chúng thường dễ thực-hành hơn và chắc là đúng hơn cả : cái gì quá khích thường là dở cả đằng khác là vì trong trường-hợp tôi sai lầm, tôi sẽ ít xa lạc đường chính hơn là nếu tôi chọn một trong hai thái cực mà chính cái thái cực kia mới đúng là cái phải theo. Và tôi đặc biệt cho là quá khích tất cả những hứa hẹn làm cho ta mất đi một phần tự do, không phải vì tôi phản đối những luật-lệ muốn ngăn ngừa tính bất nhất của những tâm hồn yếu đuối, nên cho phép người ta, khi có một ý-định tốt, hoặc một ý-định không tốt không xấu như để bảo đảm cho việc thương-mãi, được thề hứa hoặc ký giao kèo để bắt buộc phải tuân theo mãi mãi ; nhưng vì tôi không thấy ở đời có một cái gì mãi mãi ; giữ cùng một trạng thái và vì riêng tôi, tôi tự hứa là sẽ làm sao để các phán đoán của tôi càng ngày càng hoàn-toàn hơn, chứ không phải càng ngày

càng sai lạc, tôi sẽ tự cho là đã phạm một lỗi lớn đối với lương-tri nếu một lúc nào đó tôi đã tán thành điều gì mà về sau tôi còn bị bắt buộc phải nhận là đúng, khi có lẽ là nó đã không còn đúng nữa.

Qui tắc thứ hai là phải hết sức vững vàng và cương quyết trong các hành động của tôi và một khi đã quyết nhận một tư-tưởng nào, dầu là một tư-tưởng đáng hoài nghi nhất, thì cũng phải bền chí theo đuổi như thế là một ý tưởng rất chắc chắn vậy, ở đây tôi phải noi gương những người đi đường bị lạc trong một cánh rừng ; họ không được đi loanh quanh lúc phía này lúc phía kia hay tệ hơn, đứng mải miết một chỗ, nhưng phải đi mãi, nhắm thẳng về một hướng mà không thay đổi vì những lý-do nhỏ mọn dẫu rằng có lẽ lúc đầu họ chỉ chọn hướng một cách ngẫu nhiên : vì, nhờ thế cho dù họ không đi đúng về nơi họ muốn đến, ít ra cuối cùng cũng đi đến một nơi nào mà ở đó chắc hẳn họ sẽ được yên tâm hơn giữa một cánh rừng. Và bởi vậy, khi chúng ta không thể phân biệt đâu là quan niệm đúng nhất, thì chúng ta ta phải theo quan niệm có vẻ đúng nhất, đó là một chân lý rất chắc-chắn : cuộc sống bắt phải hành động, không cho phép chần chờ do dự, và ngay cả khi chúng ta không thấy quan niệm này có vẻ đúng hơn quan-niệm khác, chúng ta vẫn phải quyết định theo một quan-niệm nào đó và rồi ra, trong phạm vi thực hành, phải xem nó không phải như là đáng hoài nghi, nhưng như là rất chân xác và rất chắc chắn, vì lý do bắt ta phải quyết định theo nó là một lý do xác đáng và chắc chắn. Và như vậy tôi đã có thể từ đó thoát khỏi mọi ăn năn hối hận thường làm xao xuyến lương

tâm những yếu đuối và không vững vàng, thường thực hành một cách nhẹ dạ điều nọ điều kia như là những điều tốt đẹp mà về sau họ lại coi là xấu.

Quy tắc thứ ba là luôn luôn cố gắng thắng tôi hơn là thắng số phận, và thay đổi ước vọng của tôi hơn là thay đổi trật tự của vũ-trụ, nói một cách tổng quát, phải tập cho quen tin rằng ngoài tư-tưởng của chúng ta thì không có cái gì là hoàn toàn ở trong quyền hạn chúng ta, do đó sau khi chúng ta đã làm tất cả những gì có thể làm được đối với những sự vật ở ngoài chúng ta, tất cả những gì chúng ta đã không thành công, chúng ta phải xem như là một việc chúng ta không thể làm được. Và chỉ một điều đó hình như cũng đủ để ngăn cản tôi ao ước những gì mà tôi không thể thu hoạch được và như thế tôi sẽ vui lòng với số phận. Vì ý chí của chúng ta tự nhiên chỉ ao ước những điều mà lý trí chúng ta nhìn nhận như là có thể đạt được, bởi đó chắc chắn rằng, nếu tất cả những cái hay cái tốt ở ngoài chúng ta, chúng ta đều coi là xa tầm chúng ta như nhau cả, thì khi không vì lỗi chúng ta mà chúng ta mất những của cải nhẽ ra giòng giống chúng ta phải cho chúng ta quyền hưởng, chúng ta cũng không luyến tiếc hơn là khi chúng ta không được làm vua nước Tàu hay nước Mễ-Tây-Cơ. Lấy cái tất yếu làm điều đức-hạnh, lúc đau yếu chúng ta sẽ không mong ước lành mạnh, lúc bị tù đầy, chúng ta sẽ không mong ước tự do, cũng như chúng ta, ngay bây giờ, không mong ước có được một thân thể cứng rắn như kim cương, hay có cánh để bay như chim chóc. Nhưng tôi thú nhận rằng cần phải tập luyện lâu dài và phải suy niệm nhiều mới có thể quen nhìn mọi sự theo quan điểm ấy, và tôi tin

rằng đó là cái bí quyết của các triết-gia ngày xưa khiến họ thoát được quyền lực của số mệnh, và mặc dù đau khổ hay nghèo nàn, họ đã có thể tranh hạnh phúc với thần thánh của họ. Luôn luôn chuyên chú nhìn xét giới hạn tạo hóa đã đặt ra cho họ, họ hoàn toàn tin tưởng rằng ngoài tư tưởng của họ, họ không làm chủ được cái gì, và chỉ một điều đó cũng đủ cho họ khỏi luyến tiếc một vật gì khác và hoàn toàn làm chủ tư tưởng của họ nên họ có lý do để tự coi mình giàu sang hơn, quyền thế hơn, tự do hơn, hạnh phúc hơn mọi người khác : những hạng người này, vì không có thứ triết lý ấy, nên dầu được trời đất và số mệnh ưu đãi đến đâu, vẫn không bao giờ có được như thế tất cả những gì họ muốn.

Sau hết, để kết luận đường lối đạo đức này, tôi đã để ý kiểm điểm lại các công việc người ta làm ở đời, để cố lựa chọn lấy công việc nào tốt đẹp nhất và không muốn nói gì đến công việc của kẻ khác, riêng tôi, tôi nghĩ tôi không thể làm gì hơn là cứ tiếp tục ngay cái công việc tôi đang làm, nghĩa là dùng tất cả đời tôi để đào luyện lý trí và tiến bước hết sức tôi trên con đường tìm chân lý theo phương pháp mà tôi đã tự đặt ra cho mình. Và từ khi tôi bắt đầu áp dụng phương pháp ấy, tôi cảm thấy hân hoan đến nỗi tôi không tin rằng người ta có thể có những hân hoan êm dịu và ngây ngô hơn thế được ở đời này, và mỗi ngày nhờ phương pháp đó tôi đã tìm ra được một số chân lý, đối với tôi rất quan trọng mà thường người khác không biết đến, điều đó đã làm cho tâm trí tôi hết sức thỏa mãn, nên mọi cái khác đối với tôi đều vô vị cả. Vả chăng ba nguyên tắc trên chỉ dựa trên ý định tiếp tục học hỏi của tôi : Chúa đã cho mỗi người trong

chúng ta môt ít ánh sáng để phân biệt cái thật với cái giả, nên tôi đã không quyết định lúc đến thời phải dùng trí phán đoán khảo xét lại các quan niệm của kẻ khác, thì tôi không tin được là tôi phải đành theo các quan niệm ấy một phút nào: và tôi sẽ không vứt bỏ được những ngần ngại khi theo những quan niệm ấy, nếu tôi đã không hy vọng rằng sẽ không bỏ qua dịp nào để tìm ra những quan niệm đúng hơn trong trường hợp có những quan niệm đúng hơn. Và sau tôi đã không thể hạn chế ước vọng của tôi và cũng không thể tự thỏa mãn được nếu tôi đã không theo một con đường nhờ đó tôi biết chắc chắn sẽ thu nhận được tất cả những nhận thức tôi có thể nhận được, và bởi đó tôi cũng biết được, nhờ cùng một phương tiện đó là chắc chắn sẽ thu nhận được tất cả những điều thiện chính thực mà tôi có thể đạt được; hơn nữa, ý chí chúng ta sẵn sàng theo hay tránh những gì mà lý trí chúng ta quan niệm tốt hay xấu, nên chỉ cần phán đoán đúng là có thể hành động đúng, và chỉ cần phán đoán đúng hết sức mình là đủ để hành động đúng thật, nghĩa là đủ để có được tất cả các nhân đức và đồng thời tất cả những điều tốt lành người ta có thể có được, và khi người ta chắc chắn công chuyện như thế, thì người ta không thể không thấy thỏa mãn.

Lịch-trình tư-tưởng của tác-giả từ mùa đông 1619 - 1620 cho đến ngày tác-giả đi Hòa-Lan

Sau khi đã xác nhận những nguyên tắc ấy, và để riêng chúng ra cùng với những chân lý của đức tin là những chân

lý mà tôi đã luôn luôn luôn tin nhận trước nhất; tôi có thể tự do bắt đầu vứt bỏ cả đi. Và vì là tôi hy vọng có thể thành công trong việc ấy bằng cách đàm thoại với người khác hơn là bằng cách ở lại lâu hơn trong phòng sưởi là nơi tôi đã nảy ra tất cả những ý nghĩ này, nên mùa đông chưa hết hẳn tôi đã bắt đầu ra đi lại và trong suốt chín năm sau, tôi không làm gì khác ngoài việc đi liên miên đây đó khắp thế-giới, cố làm một khán giả hơn là một kịch-sĩ trong tất cả những tấn kịch của cuộc đời, và đặc biệt suy nghĩ trong mọi sự về những cái có thể làm cho nó đáng nghi ngờ và làm cho chúng ta lầm lạc, tôi đã vứt bỏ tận gốc rễ tất cả những lầm lạc đã len vào đầu tôi ngày trước. Không phải vì đó mà tôi bắt chước những người theo chủ nghĩa hoài nghi, họ chỉ hoài nghi để mà hoài nghi và làm bộ luôn luôn do dự: trái lại tất cả ý định của tôi đều nhằm làm cho tôi tin chắc chắn, và nhằm vất bỏ đất lầy và cát lụn để tìm thấy đá cứng hay đất chắc. Trong việc này hình như tôi đã thành công khá nhiều, nhất là vì cố gắng tìm ra cái sai lạc hay cái không chắc chắn của những mạnh đề tôi khảo sát không phải nhờ những phỏng đoán vơ vẩn, nhưng nhờ những lý luận rõ ràng và vững chắc, tôi không gặp phải một quan niệm nào đáng nghi ngờ đến mấy mà tôi đã không rút ra được một kết luận khá chắc chắc, ít nhất là kết luận rằng nó không chứa đựng một cái gì chắc chắn cả. Và cũng như khi đập phá một cái nhà cũ, người ta thường để lại nhiều vật liệu đã phá xuống để dùng vào việc xây cất nhà mới, cũng vậy khi hủy bỏ những quan niệm mà tôi cho là không có nền tảng chắc chắn, tôi đã quan sát được nhiều điều và thu lượm được nhiều kinh-nghiệm từ đấy có thể

giúp tôi xây dựng những quan niệm chắc chắn hơn.

Và hơn nữa tôi vẫn tiếp tục thực-hành phương pháp mà tôi đã đặt ra cho tôi, vì ngoài việc cố tâm hướng dẫn tư tưởng tôi một cách tổng quát theo những quy luật của phương pháp đó, tôi lại thỉnh thoảng dành để một vài giờ thực hành cho những vấn đề toán học, hay cho những vấn đề khác có thể biến thành gần giống như những vấn đề toán học, bằng cách tách chúng ra ngoài những nguyên lý các khoa học khác mà tôi thấy không vững chắc như độc-giả sẽ thấy tôi đã làm trong nhiều vấn đề có cắt nghĩa trong tập này.

Và như thế, bề ngoài không sống khác hơn những người nhàn rỗi, họ chỉ sống cuộc đời êm thắm và vô tội, tìm cách phân tách khoái lạc với tật xấu, và để hưởng những giờ nhàn rỗi mà không đâm chán, họ dùng đến tất cả những loại giải trí lương thiện, tôi vẫn tiếp tục theo đuổi ý định của tôi và hưởng được trong sự nhận thức chân lý, có lẽ nhiều hơn là nếu tôi chỉ biết đọc sách hay giao du với học giả.

Tuy thế, 9 năm đó đã trôi qua mà tôi vẫn chưa có một lập trường dứt khoát đối với những vấn đề thường chia rẽ các bậc thông thái, và tôi cũng chưa bắt đầu tìm kiếm nền tảng cho một triết lý nào chắc chắn hơn triết lý thông thường Và cái gương của nhiều bộ óc minh mẫn nhất trước đây đã có ý định này, mà theo tôi thấy đã không thành công, làm cho tôi tưởng tượng không biết bao nhiêu là khó khăn đến nỗi có lẽ tôi đã chưa dám bắt tay vào việc sớm như thế này, nếu tôi không nghe nhiều người đồn đại rằng tôi đã thành công. Tôi không biết tại đâu họ đã nghĩ như thế

mà nếu lời nói của tôi đã khiến họ nghĩ như thế một phần nào, thì chắc là tôi đã thú nhận những điều tôi không biết một cách thành thực hơn những người đã học hỏi được ít nhiều, và cũng có lẽ vì tôi đã cho họ thấy những lý do khiến tôi nghi ngờ về nhiều việc mà kẻ khác cho là chắc chắn, hơn là vì tôi đã khoe khoang có một chủ thuyết nào. Nhưng khá tự hào để không muốn người ta lầm tưởng về tôi, tôi đã nghĩ cần phải cố gắng dùng mọi phương tiện để làm cho tôi được xứng đáng với danh tiếng người ta đã gán cho tôi, và đã đúng tám năm, sự mong ước ấy đã làm cho tôi quyết định tránh xa tất cả những nơi tôi có thể gặp người quen biết, đến ẩn nấp ở đây trong một nước mà cuộc chiến tranh dai dẳng đã làm cho mọi người ta phải thiết lập một trật tự vững vàng, những đạo quân đóng giữ ở đây hình như chỉ để giúp người ta thừa hưởng hiệu quả của thời thái bình một cách an ninh hơn, và ở đó giữa đám quần chúng của một dân tộc lớn lao, rất hoạt động và cẩn thận về việc mình hơn là tò mò về việc người, tôi đã có thể sống đơn độc và ẩn dật như trong những sa mạc xa xôi nhất, và vẫn không mất một tiện nghi nào của những thành thị đông đảo nhất.

PHẦN THỨ TƯ

BẰNG CHỨNG VỀ SỰ CÓ THƯỢNG-ĐẾ VÀ LINH HỒN CON NGƯỜI HAY LÀ NỀN TẢNG CỦA SIÊU-HÌNH HỌC.

Tôi không biết có nên nói đến những suy nghiệm đầu tiên của tôi ở đây không, vì đó là những suy nghiệm có tính cách quá siêu hình và ít thông thường, có lẽ không phải ai cũng thích được. Tuy nhiên để người ta có thể phán đoán xem những nền tảng của tôi có đủ vững chắc không, thiết tưởng tôi cần phải nói đến.

Sự tìm kiếm một chân-lý căn-bản chắc chắn

a) Hoài nghi theo phương-pháp.— Từ lâu trước tôi đã nhận thấy rằng về luân lý, đôi khi cần phải theo những quan niệm người ta biết là không chắc chắn một chút nào và coi chúng như là những quan niệm không thể nghi ngờ được, như đã nói ở trên; nhưng vì lúc đó tôi chỉ ra công tìm kiếm chân lý mà thôi, nên tôi nghĩ rằng cần phải làm ngược hẳn lại, và phải vứt bỏ như là hoàn toàn sai lạc, tất cả những điều mà trong đó tôi có thể tưởng-tượng ra một chút gì đáng nghi hoặc để xem rồi ra trong sự tin tưởng của tôi phải chăng

còn sót lại một điều gì là hoàn toàn không thể nghi ngờ được. Bởi thế, vì giác quan chúng ta thường làm cho chúng ta lầm lạc, nên tôi quyết giả thiết rằng không có một sự vật nào là đúng như giác quan cho chúng ta tưởng tượng. Và vì có nhiều người có thể lầm lạc khi suy luận, ngay cả lúc suy luận về các điều đơn giản của hình học vì ở đây đã có những lý luận sai lạc và xét rằng tôi có thể lầm lạc như mọi người khác nên tôi đã vứt bỏ những lý luận mà trước kia tôi đã coi như là những chứng minh chắc chắn và sau hết, thấy rằng tất cả những tư tưởng chúng ta có, khi tỉnh, đều có thể đến với chúng ta, khi chúng ta ngủ mà lúc đó không có một tư tưởng nào là chắc thực cả, nên tôi đã quyết giả thiết rằng tất cả mọi sự mà trí-tuệ tôi đã tiếp nhận đều không chắc thật gì hơn những ảo ảnh trong các giấc mộng của tôi.

b) Điều chắc chắn đầu tiên.— Nhưng ngay sau đó tôi nhận thấy là khi tôi muốn nghĩ tưởng rằng mọi sự đều sai lạc như thế thì tất nhiên tôi, kẻ nghĩ tưởng điều đó, phải là một cái gì và nhận thấy cái chân lý : «Tôi tư tưởng vậy tôi có» là một chân lý vững chắc và đích xác đến nỗi tất cả những giả thiết kỳ quặc nhất của các triết-gia chủ trương hoài nghi cũng không đủ sức để lay chuyển, nên tôi tưởng tôi có thể không chút ngần ngại tiếp nhận chân lý ấy như là nguyên lý đầu tiên của nền triết lý tôi đang tìm kiếm.

Linh-hồn: Bản tính và sự phân biệt với thể xác.

Sau nữa, chú ý nhận xét tôi là gì, và thấy tôi có thể

tưởng tượng tôi không có thân xác, tưởng tượng không có thế giới hay một nơi chỗ nào để tôi ở cả, nhưng tuy thế, tôi vẫn không thể giả thiết là tôi không có; và trái lại, chính vì việc tôi nghi ngờ về sự thực của mọi sự khác mà phải kết luận một cách rất hiển nhiên và rất chắc chắn tôi có, ngược lại nếu tôi chỉ ngừng suy nghĩ, mặc dầu tất cả những gì tôi đã tưởng tượng có thật đi chăng nữa, thì tôi cũng không có lý do gì để tin rằng tôi có: do đó tôi biết rằng tôi là một thể chất mà tất cả cốt tính hay bản tính chỉ là tư-tưởng và để hiện hữu, thể chất ấy không cần phải có một nơi chốn nào hay phụ thuộc vào một cái gì vật chất cả. Như thế, cái bản ngã này, nghĩa là cái linh hồn, nhờ đó tôi là tôi, hoàn toàn khác với thể xác, và chính linh hồn để nhận biết hơn thể xác và dù thể xác không có, thì linh hồn vẫn là linh hồn không hơn không kém.

Tiêu chuẩn của chân lý: hiển nhiên tính. Sau đó tôi đã xét một cách tổng quát về tính cách cần thiết mà một mạnh đề phải có để được xem như là thật chắc chắn; vì tôi vừa tìm ra một mạnh đề mà tôi biết là thật và chắc chắn, nên tôi đã nghĩ rằng tôi cũng phải biết sự chắc chắn ấy nằm ở đâu. Và sau khi đã nhận thấy trong mạnh đề : « tôi tư tưởng, vậy tôi có », không có một cái gì làm cho tôi tin chắc tôi nói sự thật, ngoài trừ việc tôi thấy rất rõ ràng rằng muốn tư-tưởng thì phải có đã, nên tôi tưởng tôi có thể nhận như là một quy luật tổng quát rằng tất cả những gì chúng ta quan niệm được một cách rất rõ ràng và minh bạch, đều là chắc thật, điểm khó khăn chỉ là chỗ nhận định những sự vật nào

là những sự vật chúng ta quan niệm được một cách minh bạch.

Thượng-đế : Những bằng chứng về sự hiện hữu và bản tính của Ngài.

a) Chứng-lý đầu tiên : Sự tôi có ý niệm về cái hoàn-hảo.— Sau đó, suy nghĩ về việc tôi hoài nghi và như thế nghĩa là bản thể của tôi không hoàn hảo, vì cố nhiên biết là một sự hoàn hảo hơn hoài nghi nhiều, nên tôi đã nghĩ đến việc tìm xem bởi đâu tôi đã biết nghĩ tưởng đến một cái gì hoàn hảo hơn tôi, và tôi thấy một cách hiển nhiên rằng đó phải là một bản thể hoàn hảo hơn tôi. Còn về những ý niệm mà tôi có về những vật ngoài tôi như bầu trời, quả đất, ánh sáng sức nóng, và trăm nghìn vật khác, tôi không hề phải lao tâm tìm xem chúng ở đâu ra, vì rằng không thấy trong chúng có cái gì làm cho chúng hơn tôi, tôi có thể tin rằng nếu chúng có thật, thì chúng là những cái phụ thuộc vào bản thể của tôi, trong chỗ bản tính của tôi có một phần hoàn hảo nào; và nếu chúng không có thực, thì tôi đã rút chúng từ hư vô ra, nghĩa là chúng chỉ có trong tôi ở chỗ tôi không hoàn hảo. Nhưng đối với ý niệm một bản thể hoàn hảo hơn tôi, thì không thể như thế được; vì rút nó ra từ hư vô là một điều rõ ràng không thể được; vả lại vì một cái hoàn hảo mà phát xuất bởi hay phụ thuộc vào một cái kém hoàn hảo hơn, là một chuyện nghịch lý, cũng như bảo một vật gì phải xuất ra tự cái hư vô, cho nên ý niệm hoàn hảo đó hẳn không phải là do tôi mà có. Như thế chỉ còn cách

là ý niệm đó cả được đặt vào nơi tôi do một bản tính nào khác, thật là hoàn hảo hơn tôi và có tất cả những thứ hoàn hảo mà tôi có ý niệm được, nghĩa là nói rõ ra một cách vắn tắt : Đó là Thượng-Đế.

b) Chứng lý thứ hai: Sự thiếu hoàn hảo của tôi.— Thêm vào đó, tôi đã nghĩ rằng vì tôi biết được một ít cái hoàn hảo mà chính tôi không hề có, nên tôi không phải là bản thể độc nhất hiện hữu (Tôi xin tự do dùng ở đây những danh từ của phái triết học kinh viện) nhưng chắc chắn cần phải có một đấng khác hoàn hảo hơn, mà tôi phụ thuộc vào, và nhờ ngài tôi có được những cái tôi hiện có. Vì nếu tôi là độc nhất và không phụ thuộc vào một đấng nào khác để tôi đã có thể tự mình có được cái chút ít hoàn hảo tôi hưởng thụ bởi đấng cũng toàn thiện thì hẳn tôi đã có tự mình tôi có thêm được tất cả những gì mà tôi biết rằng tôi thiếu mà như thế chính tôi đã là vô cùng và hằng có, không thay đổi, biết mọi sự và toàn năng, và sau hết, có tất cả những cái toàn thiện mà tôi có thể nhận thấy nơi Thượng Đế.

Phiếm luận : *Bản tính của Thượng-Đế.* Theo các lý luận của tôi vừa rồi, muốn nhận thức bản tính Thượng-Đế như bản tính tôi có thể nhận thức được, tôi chỉ cần xét xem trong tất cả những cái gì mà tôi có ý niệm, phải chăng có phải chúng là sự hoàn hảo hay một khuyết điểm, và tôi chắc chắn rằng không có cái gì không hoàn hảo mà được ở nơi ngài và tất cả những gì hoàn hảo đều có nơi ngài. Như tôi thấy hoài nghi, bất thường, phiền muộn và những điều như thế, không thể có nơi ngài, vì rằng tôi cũng rất sung sướng nếu không bị những cái đó. Lại ngoài ra, tôi còn có ý niệm

về nhiều sự vật ngoại giới và hữu hình, vì cho rằng tôi giả thiết tôi mơ màng và tất cả những điều tôi nhìn thấy hay tưởng tượng, đều sai lầm, tôi vẫn không thể phủ nhận rằng những ý niệm kia không có thực trong tư duy tôi, nhưng vì đã nhận biết rõ ràng trong tôi bản tính tinh thần khác biệt hẳn với bản tính thể chất và xét rằng tất cả mọi hợp thức đều biểu lộ sự phụ thuộc, và phụ thuộc hẳn là một khuyết điểm do đó tôi nghĩ rằng nếu Thượng Đế là hợp thành bởi hai bản tính này thì Thượng Đế không thể là hoàn hảo nữa, và bởi đó Thượng Đế không phải là như thế, nhưng nếu trong thế giới nầy có những thể xác hoặc những tinh thần hay những bản tính khác mà không hoàn hảo, thì bản thể của chúng chắc chắn phải phụ thuộc vào quyền lực của Thượng Đế đến nỗi nếu không có Ngài thì chúng không thể tồn tại một phút.

c) Chứng lý thứ ba : Ý niệm cái hoàn hảo bao hàm sự hiện hữu.— Sau đó tôi lại muốn tìm ra những chân lý khác. Tôi nhận xét về đối tượng của các nhà hình học mà tôi quan niệm như một vật thể liên tục, hay một không gian vô tận về bề dài, bề rộng và bề sâu hay bề cao, có thể chia làm nhiều phần với nhiều hình dạng, nhiều thể tích, có thể thay đổi hay biến trạng đủ kiểu, đó là những tính cách các nhà hình học giả thiết nơi đối tượng của họ và tôi đã duyệt qua một vài chứng minh đơn giản nhất của họ. Sau khi đã nhận thấy sự chắc thật mà người ta gán cho chúng chỉ dựa trên sự người ta có thể quan niệm chúng một cách minh bạch theo quy luật mà tôi vừa nói trên, tôi cũng nhận thấy rằng không có một cái gì trong các chứng minh hình học có thể làm cho tôi tin chắc là đối tượng của chúng có thực. Chẳng hạn tôi thấy

rõ rằng: giả thử có một tam giác, thì tất nhiên các góc của nó phải bằng hai góc vuông: tuy thế tôi không thấy có cái gì bảo đảm cho tôi là trong thế giới này có một tam giác cả. Trái lại khi trở về khảo sát ý niệm tôi có về một đấng hoàn hảo, thì tôi thấy rằng sự hiện hữu của ngài được bao hàm trong ý niệm ấy, cũng như ý niệm một tam giác bao hàm sự ba góc của nó bằng hai góc vuông, hay ý niệm một hình cầu bao hàm rằng tất cả mọi phần của nó đều xa cách trung tâm của nó như nhau hay có thể hiển nhiên hơn thế nữa và bởi đó sự có Thượng Đế là đấng hoàn hảo ấy, là một điều ít nhất cũng chắc thật như các chứng minh chắc thực nhất của hình học.

Nhưng nếu nhiều người tin tưởng rằng khó mà nhận biết được Thượng-Đế và ngay linh-hồn là gì cũng khó mà biết, là tại họ không bao giờ đưa trí óc họ lên khỏi những sự vật hữu hình và họ quá quen nhìn xét mọi sự bằng lối tưởng tượng mà đó là lối suy tưởng riêng cho sự vật hữu chất nên cái gì không thể tưởng tượng được họ đều cho là không thể hiểu được. Điều đó đã khá rõ vì ngay các triết-gia trong các học viện cũng nhận như một châm ngôn rằng không có gì trong lý trí mà đã không có trước trong giác quan. Tuy nhiên, chắc chắn là ý niệm về Thượng-Đế và linh hồn không hề có trước trong giác quan. Tôi thiết tưởng những người muốn dùng trí tưởng tượng của họ để hiểu biết những ý niệm đó, cũng xử sự như họ muốn dùng con mắt để nghe các âm thanh hay ngửi các mùi vị; nếu không nói đến sự khác biệt này là cảm giác của thị quan cũng giúp chúng ta biết được sự

thật của các đối-tượng không kém gì thính-quan hay khứu-quan, trái lại trí tưởng tượng và cảm quan của chúng ta không bao giờ có thể làm cho chúng ta chắc chắn về một điều gì nếu lý trí chúng ta không can thiệp vào.

Ngoại giới : sự hiện hữu của nó

Sau hết, nếu còn có người chưa chịu tin tưởng có Thượng-Đế và có linh hồn, nhờ những lý lẽ tôi đã đưa ra, thì tôi mong họ biết rằng tất cả mọi điều khác mà có lẽ họ tưởng là chắc chắn hơn, như sự có thân thể có các tinh tú và quả đất và các vật khác như thế, đều không chắc chắn bằng sự có Thượng-Đế và có linh hồn. Vì dù người ta có một sự chắn chắn tinh thần về các sự vật ấy, nghĩa là một sự chắc chắn khá đủ để người ta không thể hoài nghi về chúng được, trừ phi trường hợp muốn lập dị, tuy vậy về trường hợp có một sự chắc chắn siêu hình, nếu người ta kkông muốn là điên dại, thì người ta phải công nhận là người ta không có đủ lý do để hoài nghi về việc đã nhận rằng người ta có thể lúc đang ngủ, tưởng tượng người ta có một thân xác khác hoặc thấy những tinh tú khác và một quả đất khác mà thực ra không có gì. Bởi đâu mà người ta biết những tư tưởng đến trong cơn mơ là không thực như những tư tưởng khác, thường thường chúng không kém linh động và rõ ràng? Và những bộ óc thông minh nhất có khảo sát về điểm này bao nhiêu đi nữa, tôi cũng không tin rằng họ có thể đưa ra một lý lẽ nào đầy đủ để phá tan mối hoài nghi đó, nếu họ không

giả thiết sự hiện hữu của Thiên-Chúa trước, vì trước hết điều mà tôi vừa nhận như một quy luật, nghĩa là những điều chúng ta quan niệm rõ ràng và minh bạch đều là thực, điều đó mà chắc thực là chỉ vì Thượng Đế có hay hiện hữu và chỉ vì người là một bản thể hoàn hảo và tất cả những gì ta có đều bởi người mà ra. Do đó những ý niệm hay là tư tưởng của chúng ta, vì là những cái có thực và bởi Thượng Đế mà có trong các phần rõ ràng và minh bạch của chúng ta nên không thể là không đúng được. Bởi vậy, nếu thường chúng ta có những ý niệm sai lạc, thì đó chỉ có thể là những tư tưởng có một phần nào hỗn độn và tối tăm, vì ở đây chúng thông phần với hư vô, nghĩa là chúng mờ tối ở nơi chúng ta như thế, chỉ vì chúng ta không hoàn hảo bởi Thượng Đế mà ra thì thực hiển nhiên là một điều nghịch lý cũng như bảo chân lý hay hoàn hảo là bởi hư vô mà có. Nhưng nếu ta không biết rằng tất cả những gì có thật và chắc thực nơi chúng ta đều bởi một đấng hoàn hảo và vô cùng, thì dẫu rằng các ý tưởng của chúng ta có rõ ràng và minh bạch mấy đi nữa, chúng ta cũng không có lý do gì để bảo đảm rằng chúng có sự hoàn hảo xác thực,

Vậy mà khi sự nhận biết Thượng Đế và linh hồn đã làm cho chúng ta tin chắc chắn vào quy luật kia, thì thực là để hiểu rằng những ảo ảnh chúng ta thấy khi ngủ, không được làm cho chúng ta nghi ngờ về sự chắc thực của những tư tưởng chúng ta có khi tỉnh chút nào. Vì nếu ngay khi ngủ, chúng ta có một tư tưởng gì rất minh bạch, chẳng hạn như một nhà hình học đang lúc ngủ, phát minh ra một chứng minh mới thì sự ông ta đang ngủ không làm cho chứng

minh ấy thành sai. Và sự sai lầm thông thường nhất của các giấc mơ là ở chỗ chúng làm cho ta cảm thấy sự nọ vật kia giống như các giác quan bên ngoài làm cho chúng ta cảm thấy, nhưng không phải vì sự sai lầm ấy chúng ta có thể nghi ngờ về những ý tưởng như thế, vì rằng những ý tưởng đó cũng thường đánh lường ta luôn, những lúc ta không ngủ : như lúc người có bệnh hoàng đản thấy mọi sự đều vàng hay như các tinh tú hoặc các vật khác ở rất xa, chúng ta thường thấy nhỏ lại, Sau hết thức hay ngủ, chúng ta cũng chỉ nên tin theo sự hiển nhiên của lý trí. Và nên để ý là tôi nói lý trí của chúng ta, chứ không nói trí tưởng tưởng của chúng ta. Vì rằng, dẫu chúng ta thấy mặt trời rất rõ ràng, chúng ta cũng không được vì đó mà nghĩ nó chỉ lớn như chúng ta thấy và chúng ta có thể tưởng tượng rõ ràng một đầu sư tử cắm trên mình một con dê cái mà không thể kết luận rằng ở đời này thực có một con quái vật như thế, vì lý trí không dạy chúng ta rằng điều chúng ta trông thấy hay tưởng tượng như thế là có thực. Nhưng lý trí bảo chúng ta rằng tất cả những ý tưởng hay quan niệm của chúng ta đều phải có một nền tảng chân lý, vì không thể nào Thượng-Đế là đấng hoàn hảo và chân thật mọi đàng, lại đặt vào nơi chúng ta những ý tưởng và những quan niệm không có nền tảng sự thực, và vì những lý luận của chúng ta không bao giờ minh bạch và đầy đủ trong lúc ta ngủ cho bằng lúc ta tỉnh thức, mặc dầu khi những tưởng tượng giấc mơ linh động và rõ ràng bằng hay hơn lúc tỉnh, lý trí cũng cho chúng ta biết rằng những lý tưởng của chúng ta không thể tất cả đều chân xác, vì chúng ta không phải là hoàn hảo, nên cái phần chân xác trong các ý tưởng đó, phải trong những ý tưởng của chúng ta lúc tỉnh thức hơn là trong cơn mơ mộng.

PHẦN THỨ NĂM

THỨ-TỰ CÁC VẤN ĐỀ LÝ-HỌC

Thế giới vật chất

Phương pháp các công cuộc khảo sát đầu tiên của Descartes về lý học : phương pháp diễn dịch — Tôi rất sung sướng tiếp tục và trình bày ra đây tất cả một loạt chân lý khác mà tôi đã từ bỏ những chân lý đầu tiên kia suy diễn ra.

Nhưng muốn thế, lẽ ra bây giờ tôi cần phải nói đến nhiều vấn đề các nhà thông thái đang tranh luận, nhưng tôi không muốn gây chuyện với các ngài, tôi nghĩ rằng nín đi là tốt hơn và chỉ nói ở đây một cách tổng quát, những vấn đề ấy là những vấn đề gì, để các nhà thông thái tự xét lấy có nên cho quần chúng biết nhiều hơn hay không. Tôi vẫn luôn luôn cương quyết trong quyết định của tôi là không nhận một nguyên tắc nào khác cái nguyên tắc tôi đã dùng để chứng minh có Thượng đế và có linh hồn : và không nhận một cái gì là thật, nên tôi không thấy là rõ ràng và chắn chắn hơn những chứng minh của các nhà hình học trước kia. Mà tuy vậy, tôi dám nói rằng : không những trong một thời gian ngắn, tôi đã tìm ra phương pháp làm cho tôi thỏa mãn về những vấn đề chính-yếu người ta thường bàn đến trong triết học, tôi cũng đã tìm được nhiều định luật Thiên Chúa đã

đặt ra trong thiên nhiên và đã in sâu vào trong linh hồn chúng ta đến nỗi sau khi đã suy nghiệm đủ, chúng ta không thể nghi ngờ rằng chúng không được tuân theo đúng trong tất cả những gì có thực hay đang được tạo nên trong vũ trụ. Rồi ra, khảo sát thứ tự các định luật kia, hình như tôi đã khám phá ra được nhiều chân lý hữu ích và quan trọng hơn tất cả những gì tôi đã học biết trước hay là hơn cả những gì tôi đã hy vọng học biết được.

Nhưng vì tôi đã cố gắng cắt nghĩa các chân lý chính ấy trong một tập khảo luận mà một vài lý do đã không cho phép tôi xuất bản để người ta biết đến tập khảo luận ấy, tôi chỉ có thể tóm tắt ở đây nội dung của nó. Trước khi viết nó ra, tôi đã có ý định thu gồm vào đó tất cả những gì tôi tưởng là tôi biết về bản tính sự vật vật chất. Song như các họa sĩ, vì không thể vẽ trên một bức tranh phẳng tất cả các mặt khác của một vật khối, nên phải chọn lấy một mặt chính để đưa ra phía ánh sáng, còn các mặt khác thời để lại trong bóng tối, và chỉ vẽ ra như người ta có thể thấy được, khi người ta nhìn chính vật khối ấy : cũng vậy, vì sự không thể gồm lại trong tập khảo luận của tôi tất cả những gì tôi đã có trong tư tưởng, tôi chỉ muốn trình bày một cách rộng rãi những gì tôi quan niệm về ánh sáng mà thôi, rồi nhân cơ hội đó, bàn thêm vài điều về mặt trời và các định tinh, vì ánh sáng hầu hết là tự đấy mà đến ; về các tầng trời, vì bầu trời chuyển dịch ánh sáng ; về các hành tinh, các sao chổi và về quả đất vì chúng phản chiếu ánh sáng, và sau hết về con người vì con người là kẻ nhìn thấy ánh sáng. Để phủ mờ các sự vật ấy đi đôi chút, và để có thể tự do nói ra những điều tôi nghĩ về

chúng, mà không phải theo hay bác những quan niệm đã được các nhà bác học chấp nhận, tôi quyết để vũ trụ này mặc các ngài tranh luận, mà chỉ nói về những gì có thể xảy ra trong một vũ trụ mới, nếu ngay bây giờ, ở một nơi nào trong khoảng không gian tưởng tượng, Thượng Đế dựng nên đủ vật chất để tạo thành thế giới ấy và khuấy động, xáo trộn mọi chiều các phần khác nhau của vật chất ấy, làm thành một khối hỗn mang hết sức hỗn độn như các thi sĩ có thể tưởng tượng ra được và sau đó Ngài không còn làm gì khác hơn là giúp thiên nhiên thường thường, và để cho thiên nhiên tác động theo những định luật ngài đã thiết lập. Như thế, trước hết tôi đã mô tả vật chất và cố gắng quan niệm nó như là rõ ràng, để hiểu, không có gì ở đời bằng được, ngoại trừ những gì vừa nói về Thượng Đế và linh hồn : vì tôi dám giả thiết rõ ràng rằng vật chất ấy không có những hình thức, những tính cách như người ta thường bàn cãi trong các học viện ; và nói một cách tổng quát, không có một điều gì khác mà lý trí chúng ta có thể nhận thức được một cách tự nhiên như thế, nên người ta không thể giả vờ không biết được nữa. Hơn nữa, tôi đã cho người ta thấy định luật của thiên nhiên là thế nào và không căn cứ các lý luận của tôi vào một nguyên tắc nào khác ngoài những tính cách hoàn hảo vô hạn của Thượng Đế. Tôi đã cố gắng chứng minh tất cả các định luật mà người ta có thể nghi ngờ được và cũng chứng minh rằng dù Thượng Đế có tạo dựng nên nhiều vũ trụ đi nữa, thì cũng không thể có cái nào mà ở đó các định luật ấy không được tuân theo. Sau đó, tôi đã chứng tỏ phần lớn vật chất của cõi hỗn mang ấy phải theo các định luật kia, tự biến hóa và sắp đặt

một cách nào đó để giống như tăng trời của chúng ta như thế nào và đồng thời một phần vật chất đó sẽ làm thành quả đất, hành tinh, sao chổi, và một phần vật chất khác làm thành mặt trời và các định tinh như thế nào.

Và ở đây, bàn rộng ra về vấn đề ánh sáng, tôi đã lần lần cắt nghĩa thế nào là ánh sáng nơi mặt trời và nơi các định tinh, và làm sao từ đó, trong chốc lát, nó đã xuyên qua những khoảng không bao la của bầu trời, và nó đã phản chiếu từ các hành tinh đến quả đất làm sao. Tôi cũng đã nói thêm nhiều điều về bản chất, vị trí, chuyển động và tất cả các tính cách của các tầng trời và các tinh tú kia. Do đó tôi tin rằng đã nói đủ để người ta hiểu rằng không có cái gì người ta thấy được ở thế giới này mà không nhất thiết, hay ít là không thể xảy ra giống đúc như thế, ở thế giới mà tôi vừa diễn tả ra kia.

Sau đó tôi đã đặc biệt nói về quả đất : dầu tôi đã giả thiết rõ ràng rằng Thượng Đế không đặt trọng lượng vào khối vật chất tạo thành quả đất, làm sao, các phần tử của quả đất vẫn hướng đúng về trung tâm của nó : làm sao có nước và không khí trên mặt đất mà vị trí của các tầng trời và các tinh tú, nhất là mặt trăng, lại gây ra thủy triều hoàn toàn giống thủy triều chúng ta thấy ở các đại dương của ta, và ngoài ra làm sao một nước và luồng khí chuyển dịch từ sớm đến tối giống như người ta thấy được ở vùng nhiệt đới, làm sao núi non, biển cả, mạch suối và giòng sông có thể được tạo thành ở đó ; làm sao các kim khí có ở các hầm, cây cối mọc ở đồng nội, và nói chung, làm sao tất cả những vật

thể người ta gọi là hợp thể hay hợp vật đều được sinh ra ở đấy.

Lại nữa, vì ngoài các tinh tú, ở thế giới này, tôi chỉ biết lửa là có thể phát sinh ra ánh sáng, nên tôi đã cố gắng làm cho người ta hiểu rõ cái gì là thuộc về bản tính của lửa, lửa bởi đâu mà ra, lửa cháy như thế nào ; làm sao đôi khi lửa chỉ có nhiệt lực ; lửa làm cho các vật thể có những mầu sắc khác nhau và nhiều tính cách khác như thế nào ; lửa làm chảy các vật thể này, thiêu hủy hầu hết vật thể hay biến chúng thành than khói như thế nào ; và sau hết, những tro tàn kia, chỉ bởi sức tác dụng của lửa, có thể biến thành thủy tinh như thế nào ; vì sự biến thể của tro thành thủy tinh đối với tôi cũng lạ lùng như những điều lạ lùng nhất trong thiên nhiên, nên tôi đã đặc biệt thích thú diễn tả lại sự tạo dựng tiếp tục. Tuy thế, tôi không muốn dựa vào các điều đó để kết luận thế giới này đã được tạo dựng như cách tôi trình bày, vì rất có thể là ngay từ buổi đầu Thượng-Đế đã cho nó cái mức hoàn hảo nó phải có. Nhưng chắc rằng và đây là một quan niệm thông thường của các nhà thần học, quyền phép Thượng-Đế dùng để bảo tồn vũ-trụ cũng là chính cái quyền phép Ngài đã tạo thành nên nó. Như thế, mặc dầu từ đầu Thượng-Đế chỉ dựng nên vũ-trụ trong hình thái một cối hỗn mang, miễn là Ngài đã thiết lập lề luật cho thiên nhiên, giúp cho nó tác động như thường lệ, người ta vẫn có thể không hạ giá phép lạ của sự tạo dựng mà tin rằng chỉ nhờ sự giúp đỡ của Thượng-Đế, các vật thể hoàn toàn vật chất kia có thể qua thời gian, biến hóa ra như chúng ta thấy bây giờ. Và khi chúng ta thấy các sự vật ấy phát sinh dần dần như thế,

thì chúng ta dễ quan niệm bản tính của chúng ta coi chung như là đã được tạo dựng hoàn hảo từ đầu.

Thế - giới động vật

Nguyên tắc : Cơ giới tính.

Từ sự diễn tả những vật vô sinh và các loài thảo mộc, tôi đã đi đến sự diễn tả động vật và nhất là loài người. Nhưng vì ở đây tôi chưa hiểu biết đủ để nói đến rõ ràng cùng với một luận điệu như đã nói những cái khác, nghĩa là bằng cách lấy căn nguyên mà chứng minh hiệu quả và tỏ rõ thiên nhiên sáng tạo ra chúng với những mầm giống nào và bằng cách nào, nên tôi chỉ giả thuyết rằng Thượng-Đế đã tạo dựng nên thân xác một người hoàn toàn như chúng ta bây giờ, từ hình thể bên ngoài của tứ chi cho đến bộ dạng bên trong của các cơ quan mà không dùng vật chất nào khác vật chất tôi đã mô tả trên kia, và không đặt trong con người, ở buổi đầu, một linh hồn hữu trí hay một cái gì khác để dùng như linh hồn thảo mộc hay hồn động vật, nhưng ngài chỉ đốt lên trong tim của con người một thứ lửa không ánh sáng, như tôi đã giải thích, và về bản tính tôi cho là không khác gì thứ lửa làm nóng rơm cỏ lúc người ta un lại trước lúc nó chưa khô, hay thứ lửa làm cho rượu mới sôi lên, khi người ủ rượu trên bàn nạo. Vì khi khảo sát các cơ năng có thể sau đó phát xuất trong thân xác ấy, tôi đã tìm thấy đầy đủ tất cả cơ năng có thể có nơi chúng ta mà chúng ta không nghĩ đến và bởi đó, không có sự dự phần của linh hồn, nghĩa là của cái phần khác biệt với

thể xác và đặc tính, như đã nói, chỉ là tư tưởng ; tất cả các cơ năng ấy đều như nhau, mà ở đây người ta có thể nói súc vật vô linh tính không khác chúng ta, mặc dầu tôi không thể ví mà tìm thấy nơi súc vật một cơ năng nào trong những cơ năng lệ thuộc vào tư tưởng và chỉ có nơi chúng ta, vì chúng ta là người ; trái lại tôi tìm được nơi con người tất cả các cơ năng ấy về sau khi giả thiết Thượng-Đế đã dựng nên một linh hồn và cho kết hợp với thể xác theo cách tôi diễn tả.

Một ví dụ : chuyển động của tim.

Nhưng để người ta có thể thấy tôi khảo sát vấn đề này như thế nào, tôi xin trình bày ở cách cắt nghĩa chuyển động của tim và của các động mạch vì rằng đây là chuyển động đầu tiên và chuyển động chính mà người ta thấy được ở loài vật, từ đây người ta có thể xét thấy dễ dàng phải nghĩ thế nào về những chuyển động khác.

Mô tả quả tim : Và để người ta có thể hiểu dễ dàng hơn những điều tôi sẽ nói, tôi muốn rằng những người không chuyên môn về giải phẫu học vui lòng, trước khi đọc đoạn này, cắt một quả tim của một con vật lớn có phổi, vì quả tim đó hoàn toàn giống tim người, và vui lòng tìm ra hai tâm nhĩ ở trong đó. Trước hết tâm nhĩ ở phía mặt, nó xuất phát ra hai ống lớn tức là: đại tĩnh mạch là nơi tiếp nhận máu chính và cũng như là một thân cây mà những tĩnh mạch khác trong thân thể đều là nhánh, và tĩnh động mạch, có một tên sai lạc bởi vì đấy chính là một động mạch, đi từ tim rồi khi ra khỏi tim chia làm nhiều nhánh, lan ra khắp phổi. Rồi đến tâm nhĩ phía

trái, nó tiếp nhận hai cái ống cũng lớn như hai ống trước, đó là động tĩnh mạch cũng bị gọi sai vì rằng đó chỉ là một tĩnh mạch đi từ các buồng phổi, ở đó nó được chia làm nhiều nhánh lẫn lộn vào với những nhánh của tĩnh động mạch và những nhánh của khí quản mà khí hô hấp đã đi qua; và đại động mạch đi từ tim và phát ra các nhánh đi khắp thân thể. Tôi cũng muốn người ta chỉ cho họ thấy một cái van của tim, cũng như là mười một cánh cửa nhỏ, đóng và mở bốn lối ra vào của hai tâm nhĩ, đó là : ba ở lối vào cửa đại tĩnh mạch, được xếp đặt để máu chứa đựng trong đó chảy dễ dàng vào tâm nhĩ bên mặt nhưng không thể chảy ra được. Ba lối vào cửa tĩnh động mạch vì đặt ngược lại, nên cho máu ở trong tâm nhĩ chỉ có thể sang phổi nhưng không cho máu ở phổi chảy về tim; và hai van khác ở động tĩnh mạch cho máu chảy từ phổi tâm nhĩ trái nhưng không cho chảy ngược lại, và ba lối vào cửa đại động mạch để máu chảy từ tim ra nhưng không cho chảy ngược lại. Và không cần phải tìm ra lý do nào khác của số van kia, ngoài lý do này là miệng của động tĩnh mạch vì có hình thuận và vì chỗ nằm của nó, nên có thể đóng lại dễ dàng bằng hai van trong lúc các động mạch, tĩnh mạch khác đều tròn, nên có thể đóng lại hẳn hoi hơn với ba van. Hơn nữa, tôi muốn người ta cho họ thấy rằng đại động mạch và tĩnh động mạch làm bằng một chất cứng hơn động tĩnh mạch và đại tĩnh mạch ; và hai đại mạch sau to ra, trước khi đi vào tâm và làm thành hai cái túi người ta gọi là tâm nhĩ cũng làm bằng một chất như tim ; và bao giờ trong tim cũng có nhiều nhiệt hơn chỗ nào hết trong thân thể và sau hết, khi có một giọt máu nào lọt trong tâm nhĩ,

thì sức nhiệt ấy có thể làm cho nó phồng lên nhanh chóng và căng nở ra, cũng như các chất rượu thường căng nở ra khi người ta cho nhỏ từng giọt vào một cái thùng rất nóng.

Sau đó, tôi không cần nói gì khác để giải thích các cử động của trái tim, ngoại trừ điểm này là khi những tâm nhĩ không đầy máu thì bao giờ cũng có máu từ đại tĩnh mạch chảy vào tâm nhĩ phải, và từ động tĩnh mạch vào tâm nhĩ trái, nhất là vì hai huyết mạch kia bao giờ cũng đầy máu và các cửa miệng đổ vào tim không thể bị đóng lại : nhưng cứ mỗi khi có hai giọt máu chảy vào hai tâm nhĩ, các giọt máu kia phải rất lớn vì miệng các huyết quản khá rộng và các huyết quản lại đầy máu, các giọt máu ấy phồng bốc lên và nở ra, vì nhiệt độ ở trong tim ; nhờ đó chúng làm cho tim căng ra và đầy cùng đóng năm cửa nhỏ ở lối vào của hai huyết quản trên, và như thế ngăn không cho máu chảy thêm vào tim nữa, và tiếp tục phồng lên dần, chúng mở 6 cánh cửa nhỏ khác ở lối vào của hai huyết quản để đi ra, và nhờ đó làm căng tất cả các nhánh của tĩnh động mạch và của đại động mạch gần như cùng một lúc với tim ; liền sau đó tim xẹp xuống cùng các động mạch kia, vì máu đã vào trong tim nguội dần ; và sáu cánh cửa nhỏ khép lại lúc năm cánh cửa nhỏ của đại tĩnh mạch lại mở ra để hai giọt máu khác chảy vào tim và làm tim và các động mạch căng lên như trước. Và vì máu vào trong tim qua hai cái bao người ta gọi là tâm nhĩ, nên cử động của tâm nhĩ ngược lại với cử động của tim và tâm nhĩ xẹp xuống khi tim căng lên. Sau hết để những người chưa biết sức của các chứng minh toán học và không quen phân biệt những lý luận đúng với những lý luận

á đúng không thể phủ nhận những điều này mà không quan sát, tôi muốn nhắc cho họ biết rằng cử động mà tôi vừa mô tả kia là kết quả tất nhiên của sự xếp đặt các cơ quan người ta có thể thấy bằng mắt ở trong tim, của sức nhiệt người ta có thể nghe thấy trên đầu ngón tay, và của bản tính máu mà người ta có thể biết được nhờ kinh nghiệm, cũng như chuyển động của một cái đồng hồ là kết quả tạo thành bởi sức mạnh, vị trí và hình dạng của những trái cân và các bánh xe của nó.

Sự lưu thông của máu.— Nhưng nếu người ta hỏi tại sao máu trong các tĩnh mạch không cạn đi vì cứ chảy mãi vào tim và tại sao các động mạch không đầy lên vì tất cả máu chảy qua tim đều vào đấy cả, tôi không cần trả lời bằng một điều gì khác lời một y-sĩ người Anh đã viết, ông đáng được người ta khen ngợi vì đã bắt đầu nói đến điều này và là người đầu tiên đã dạy rằng có nhiều lối nhỏ ở đầu các động mạch nhờ đó máu các động mạch nhận từ tim chảy sang những nhánh nhỏ của các tĩnh mạch và sau đó lại trở về tim ; do đó sự lưu thông của máu chỉ là một vận chuyển không bao giờ ngừng. Ông ta đã chứng minh điều này nhờ kinh nghiệm thông thường của các nhà giải phẫu : cột cánh tay vừa phải ở trên chỗ họ mổ tĩnh mạch, họ làm cho máu chảy nhiều hơn là không cột. Và ngược lại, nếu họ cột phía dưới giữa bàn tay và nơi mổ, hay là nếu họ cột rất cao ở phía trên. Vì đã rõ là nếu cột lỏng, thì đã ngăn không cho máu có sẵn trong tay trở về tim theo các tĩnh mạch mà lại để máu có thể xuống được mãi nhờ các động mạch vì các động mạch ở sâu hơn các tĩnh mạch và vì do các động mạch cứng hơn nên khó ép

hơn, và cũng vì rằng máu từ tim chảy xuống các động mạch đổ xuống tay mạnh hơn là chảy ngược về tim qua các tĩnh mạch. Và vì máu chảy do một miệng mồ nơi một tĩnh mạch thế nào cũng phải có một lối chảy ngay dưới chỗ cột, nghĩa là nơi các đầu cánh tay, do đó máu có thể đến từ các động mạch. Ông ta cũng chứng minh rất hay những điều ông nói về sự lưu thông của máu nhờ một ít bì nhỏ được xếp đặt ở nhiều nơi trong các tĩnh mạch để không cho máu từ giữa thân thể chảy ra các đầu mút thân thể nhưng để máu từ các đầu mút trở về tim; và hơn nữa, nhờ kinh nghiệm cho thấy rằng tất cả máu trong thân thể có thể ra hết trong một thời gian rất ngắn nhờ một động mạch mà thôi, nếu động mạch ấy bị cắt đứt, dẫu rằng nó được cột lại rất gần tim và bị cắt giữa quả tim và nơi cột, như thế người ta không thể tưởng tượng được máu có thể do ở đâu khác mà ra được.

Nhưng có nhiều điều khác chứng minh rằng chuyển động của máu như tôi nói là đúng. Chẳng hạn, trước hết sự khác biệt giữa máu chảy từ tĩnh mạch ra và máu chảy từ động mạch ra, chỉ có thể là do máu đã trở nên lỏng hơn và đã được lọc khi nó đi ngang qua tim, nên nó tinh túy và mạnh hơn, nóng hơn ngay sau khi ở tim ra, nghĩa là khi nó còn ở trong các động mạch, hơn là trước lúc nó chảy lại vào tim, nghĩa là khi nó còn ở các tĩnh mạch. Và nếu người ta để ý, người ta sẽ thấy sự sai biệt này chỉ rõ ràng khi ở gần tim, chứ không phải ở những chỗ xa tim. Lại nữa, tính cách cứng rắn của các lớp da làm thành tĩnh động mạch và đại động mạch cho ta thấy rằng máu va chạm vào chúng mạnh hơn là va chạm vào các tĩnh mạch. Và tại sao tâm nhĩ bên trái và

đại động mạch lại rộng hơn tâm nhĩ bên phải và tĩnh động mạch, nếu không phải là vì máu của động tĩnh mạch vì chỉ mới vào phổi ngay sau khi qua tim, nên tinh túy hơn và trở nên loãng nhiều hơn, và dễ dàng hơn máu từ đại tĩnh mạch mà đến? Và các bác-sĩ khi bắt mạch có thể đoán được điều gì nếu nhất thiết họ không biết rằng theo sự thay đổi bản tính, nó có thể vì nhiệt ở tim mà hóa loãng nhiều hay ít, và nhanh hay chậm hơn trước? Và nếu người ta xét nhiệt độ thông vào các phần khác trong thân thể như thế nào, phải chăng là người ta phải nhận rằng chính nhờ máu, đi qua tim nóng lên ở đó rồi chảy từ đấy ra khắp thân thể? Bởi đó, nếu người ta lấy máu ở một phần nào trong thân thể thì người ta cũng làm mất luôn cả nhiệt lực ở đó; và dẫu rằng tim có nóng như một khối sắt nung đỏ, thì sự tim nóng cũng không đủ để làm cho nóng chân tay, nếu tim không luôn luôn chuyển máu mới đến tay chân. Lại nữa, do đó người ta cũng biết rằng công dụng thật của sự hô-hấp là đưa vào phổi không khí trong sạch để làm cho máu vào phổi từ tâm nhĩ bên phải là nơi nó đã loãng đi và biến thành hơi nước, nay có thể đặc, và trở thành máu lại, trước khi rơi lại vào tâm nhĩ bên trái. nếu không thì nó không thể nuôi dưỡng nhiệt lực ở tim được. Điều này được xác nhận ở súc vật và ở trẻ con chưa sinh ra, vì người ta thấy những loài vật không có phổi thì chỉ có tâm nhĩ, và trẻ con khi còn ở trong lòng mẹ, chưa thể dùng đến phổi nên chỉ có một lỗ nhỏ theo đó máu chảy từ đại tĩnh mạch vào tâm nhĩ bên trái và có một lỗ nhỏ theo đó máu chảy từ động mạch sang đại động mạch mà không đi ngang qua phổi. Rồi đến sự tiêu hóa, làm sao đồ ăn tiêu hóa trong dạ dày,

hơn, và cũng vì rằng máu từ tim chảy xuống các động mạch đổ xuống tay mạnh hơn là chảy ngược về tim qua các tĩnh mạch. Và vì máu chảy do một miệng mồ nơi một tĩnh mạch thế nào cũng phải có một lối chảy ngay dưới chỗ cột, nghĩa là nơi các đầu cánh tay, do đó máu có thể đến từ các động mạch. Ông ta cũng chứng minh rất hay những điều ông nói về sự lưu thông của máu nhờ một ít bị nhỏ được xếp đặt ở nhiều nơi trong các tĩnh mạch để không cho máu từ giữa thân thể chảy ra các đầu mút thân thể nhưng để máu từ các đầu mút trở về tim ; và hơn nữa, nhờ kinh nghiệm cho thấy rằng tất cả máu trong thân thể có thể ra hết trong một thời gian rất ngắn nhờ một động mạch mà thôi, nếu động mạch ấy bị cắt đứt, dẫu rằng nó được cột lại rất gần tim và bị cắt giữa quả tim và nơi cột, như thế người ta không thể tưởng tượng được máu có thể do ở đâu khác mà ra được.

Nhưng có nhiều điều khác chứng minh rằng chuyển động của máu như tôi nói là đúng. Chẳng hạn, trước hết sự khác biệt giữa máu chảy từ tĩnh mạch ra và máu chảy từ động mạch ra, chỉ có thể là do máu đã trở nên lỏng hơn và đã được lọc khi nó đi ngang qua tim, nên nó tinh túy và mạnh hơn, nóng hơn ngay sau khi ở tim ra, nghĩa là khi nó còn ở trong các động mạch, hơn là trước lúc nó chảy lại vào tim, nghĩa là khi nó còn ở các tĩnh mạch. Và nếu người ta để ý, người ta sẽ thấy sự sai biệt này chỉ rõ ràng khi ở gần tim, chứ không phải ở những chỗ xa tim. Lại nữa, tính cách cứng rắn của các lớp da làm thành tĩnh động mạch và đại động mạch cho ta thấy rằng máu va chạm vào chúng mạnh hơn là va chạm vào các tĩnh mạch. Và tại sao tâm nhĩ bên trái và

đại động mạch lại rộng hơn tâm nhĩ bên phải và tĩnh động mạch, nếu không phải là vì máu của động tĩnh mạch vì chỉ mới vào phổi ngay sau khi qua tim, nên tinh túy hơn và trở nên loãng nhiều hơn, và dễ dàng hơn máu từ đại tĩnh mạch mà đến ? Và các bác-sĩ khi bắt mạch có thể đoán được điều gì nếu nhất thiết họ không biết rằng theo sự thay đổi bản tính, nó có thể vì nhiệt ở tim mà hóa loãng nhiều hay ít, và nhanh hay chậm hơn trước ? Và nếu người ta xét nhiệt độ thông vào các phần khác trong thân thể như thế nào, phải chăng là người ta phải nhận rằng chính nhờ máu, đi qua tim nóng lên ở đó rồi chảy từ đấy ra khắp thân thể ? Bởi đó, nếu người ta lấy máu ở một phần nào trong thân thể thì người ta cũng làm mất luôn cả nhiệt lực ở đó ; và dẫu rằng tim có nóng như một khối sắt nung đỏ, thì sự tim nóng cũng không đủ để làm cho nóng chân tay, nếu tim không luôn luôn chuyển máu mới đến tay chân. Lại nữa, do đó người ta cũng biết rằng công dụng thật của sự hô-hấp là đưa vào phổi không khí trong sạch để làm cho máu vào phổi từ tâm nhĩ bên phải là nơi nó đã loãng đi và biến thành hơi nước, nay có thể đặc, và trở thành máu lại, trước khi rơi lại vào tâm nhĩ bên trái, nếu không thì nó không thể nuôi dưỡng nhiệt lực ở tim được. Điều này được xác nhận ở súc vật và ở trẻ con chưa sinh ra, vì người ta thấy những loài vật không có phổi thì chỉ có tâm nhĩ, và trẻ con khi còn ở trong lòng mẹ, chưa thể dùng đến phổi nên chỉ có một lỗ nhỏ theo đó máu chảy từ đại tĩnh mạch vào tâm nhĩ bên trái và có một lỗ nhỏ theo đó máu chảy từ động mạch sang đại động mạch mà không đi ngang qua phổi. Rồi đến sự tiêu hóa, làm sao đồ ăn tiêu hóa trong dạ dày,

nếu tim không gởi nhiệt đến đó nhờ các động mạch và một ít máu dễ chảy nhất để giúp vào việc làm tan các thức thịt người ta nuốt vào dạ dày? Và sự biến hóa nước thịt kia ra thành máu có phải là dễ hiểu hơn nếu người ta cho rằng nó được lọc đi lọc lại khi chảy qua chảy lại ngang qua tim, có lẽ đến trăm lần hay vài trăm lần mỗi ngày không? Và người ta cần gì khác để giải thích sự dinh dưỡng và sự sản xuất các dung dịch, khác nhau trong thân thể hơn là nói rằng cái lực mà máu hóa loãng đưa từ tim ra đến đầu mút các động mạch, làm cho ít máu ngừng lại ở giữa những phần thân thể nó đi qua và thay thế một phần máu khác nó đuổi đi; và tùy theo vị trí, hình thái, khổ to nhỏ của các lỗ thông nó gặp, phần máu này chảy đến chỗ khác, cũng như mỗi người có thể thấy những cái sàng khác nhau có những lỗ to nhỏ khác nhau, nên có thể dùng để phân tách thứ hột này ra khỏi thứ hột khác.

Cơ-năng các tinh vật

Bản tính của chúng.— Và sau hết, điều đáng chú ý nhất ở trong đó là sự sinh sản các tinh vật: các tinh vật này cũng như một thứ gió rất tinh vi hay đúng hơn, một ngọn lửa rất tinh túy và rất nóng chạy không ngừng từ tim lên đến não với một số lượng rất nhiều, rồi từ não đi ra các đường gân và các thớ thịt và làm cho tứ chi cử động, mà không cần tìm ra một nguyên nhân nào khác có thể làm cho các phần tử máu vì bị xao động nhiều nhất và chảy dễ dàng nên rất xứng hợp để làm thành các tinh vật này nhất, lại tìm trở về não hơn là về các nơi khác trong cơ thể; chính là vì các động

mạch đem máu đến não đều là những động mạch đi từ tim đến theo một đường thẳng nhất; và theo cá định luật cơ học, cũng là những định luật của thiên nhiên, thì khi nhiều cái cùng hướng về một phía mà không có chỗ nào tất cả, cũng như tất cả máu trong tâm nhĩ bên trái đi ra đều hướng về não, thì những phần yếu hơn hết và ít xao động hơn hết bị đẩy sang lối khác bởi những phần mạnh hơn, những phần này nhờ đó đi đến não một mình.

Tôi đã cắt nghĩa rõ ràng các điều đó trong tiểu luận mà trước đây tôi đã muốn xuất bản. Lại nữa cũng trong tiểu luận ấy tôi đã trình bày cơ cấu của gân và bắp thịt trong cơ thể con người là thế này để cơ thể làm cho các tinh-vật ở bên trong có sức để cử động tứ chi: chẳng hạn, người ta thấy đầu người sau khi bị cắt, vẫn dãy dụa và cắn vào đất mặc dầu linh hồn đã thoát ly: phải có những thay đổi nào trong não để làm cho người ta tỉnh, ngủ hay mơ. Ánh sáng, thanh âm, mùi vị, sức nhiệt và tất cả các tính cách khác của các sự vật bên ngoài có thể in vào não những ý tưởng khác nhau nhờ ngũ quan như thế nào; sự đói khát và các xúc cảm nội thân có thể đem vào não ý tưởng của chúng như thế nào; cái gì là cái người ta gọi «giác quan chung» — là nơi mà các ý tưởng kia được thu nhận, thế nào là ký-ức giữ gìn các ý niệm kia và thế nào là trí tưởng tượng thay đổi các ý niệm ấy làm thành những ý niệm mới và nhờ cách đó, phân phát các tinh vật vào trong các bắp thịt, và làm cho các phần tử của thân thể tự động bằng những lối khác nhau và tùy theo các đối tượng đến với ngũ quan và những xúc cảm bên trong thân thể khiến cho tứ chi của ta có thể cử động mà không

cần đến ý-chí. Điều này không xa lạ gì đối với những người biết những bù nhìn máy, hay những máy tự động, mà kỹ thuật của con người có thể làm ra, mà chỉ dùng rất ít bộ phận so sánh với con số khổng lồ những xương những thịt, động mạch và tĩnh mạch và tất cả các phần khác trong thân thể của mỗi con vật, họ sẽ coi thể xác như một bộ máy tự tay Thiên Chúa làm ra nên thứ tự hơn nhiều và tự nó có nhiều cử động lạ lùng hơn là những máy móc mà con người có thể phát sinh ra được.

Con người

Sự cách biệt giữa con người và vật

Đến đây tôi đã đặc-biệt ngừng lại để giải thích cho người ta thấy rằng nếu có thể có được những bộ máy có các cơ quan và bộ mặt của một con khỉ hay của một con vật nào khác không có lý trí, ắt chúng không còn hoàn toàn đồng bản tính với các con vật kia ; trái lại, nếu có những bộ máy hoàn toàn giống cơ thể ta, và có thể bắt chước tất cả những hành vi của chúng ta được, chúng ta vẫn có hai phương thế chắc chắn để thấy rằng dầu vậy chúng vẫn không phải là những con người thật. Điều thứ nhất là không bao giờ chúng biết dùng ngôn ngữ hay những ký hiệu khác bằng cách sắp đặt chúng lại như chúng ta để phát biểu những ý nghĩ của chúng ta cho kẻ khác biết : vì người ta không thể tưởng tượng ra một bộ máy hoàn hảo đến nỗi có thể nói được và mặc dầu có nói được một ít tiếng lúc có những tác động cơ thể gây ra những

thay đổi trong các cơ quan của nó, chẳng hạn nếu động vào chỗ nào trong nó, nó hỏi người ta muốn gì hoặc động vào một chỗ khác, nó kêu đau, hay những điều khác như vậy ; nhưng nó không thể sắp đặt những lời nói khác nhau để trả lời cho đúng ý nghĩa những điều ta nói trước mặt nó như những người đần độn nhất biết trả lời. Và điều thứ hai là, nếu những bộ máy kia có thể làm nhiều việc giống nhau chúng ta hay hơn chúng ta nữa, chúng ta vẫn chắc chắn không thể làm được vài việc khác, do đó chúng cho thấy chúng không hành động nhờ trí thức, nhưng chỉ nhờ cách sắp đặt các cơ quan, vì lý trí là một dụng cụ tổng quát có thể dùng bất cứ việc gì, trái lại những cơ quan máy móc kia cần phải được sắp đặt một cách riêng biệt nào đấy để làm một hành động riêng biệt, do đó không thể có đủ cơ quan khác nhau trong một bộ máy để làm nó cử động, trong tất cả mọi trường hợp ở đời, giống như lý trí giúp ta hành động. Và cũng chính bởi hai phương cách đó mà người ta có thể thấy con người khác với loài vật. Vì rất dễ thấy rằng, không có một người nào dù là ngu si hay đần độn bực nào đi nữa, ngay cả những người điên mà lại không biết sắp đặt nhiều lời nói lại với nhau và làm thành một câu nói dài để cho người ta hiểu ý nghĩ của mình ; và trái lại không có một con vật nào, dầu hoàn toàn và tốt giống đến đâu mà có thể làm được như thế. Điều đó không phải tại chúng thiếu các cơ-quan, vì người ta thấy những loài cưởng, loài vẹt vẫn có thể phát biểu từ ngữ như chúng ta, nhưng chúng vẫn không thể nói được như chúng ta, nghĩa là bằng cách chứng tỏ rằng chúng suy nghĩ những điều chúng nói ; trái lại, những người điếc và mù từ buổi sơ sinh,

không có những cơ quan mà các người khác dùng để nói, vẫn có thể như các loài vật hay hơn các loài vật, tìm ra những dấu hiệu để làm cho những kẻ thường ở gần họ, biết ngôn ngữ của họ, hiểu họ được. Và điều đó không những chứng minh rằng loài vật ít lý trí hơn loài người mà lại chứng minh rằng chúng không có lý trí vì người ta thấy rằng chỉ cần rất ít lý trí cũng biết nói được. Lại nữa, giữa những con vật thuộc cùng một loài có sự sai lệch như giữa người với nhau, con này dễ tập hơn con khác, tuy nhiên ta không thể tin rằng một con khỉ hay một con vẹt hoàn toàn nhất trong chủng loại của nó, không thể bằng một đứa bé ngu ngốc nhất hay ít nữa một đứa bé điên rồ, nếu hồn của chúng lại không có một bản tính khác hẳn linh hồn chúng ta. Và người ta cũng không nên lầm lẫn ngôn ngữ với những cử động tự nhiên phát ra bởi xúc cảm, mà các bộ máy có thể bắt chước được cũng như loài vật ; hay nghĩ như các người xưa rằng loài vật nói được, mặc dầu chúng ta không hiểu được ngôn ngữ của chúng. Vì nếu thật như thế, bởi chúng có những cơ quan giống các cơ quan của chúng ta, chúng có thể làm cho chúng ta hiểu chúng cũng như các đồng loại của chúng. Ai cũng biết rằng dẫu có nhiều loài vật tỏ ra tinh khôn hơn chúng ta trong một vài hành động, nhưng người ta vẫn thấy chúng không tỏ ra tài giỏi trong nhiều hành động khác, vì đó, việc chúng làm giỏi hơn chúng ta không chứng minh rằng chúng có trí khôn ; vì nếu thế, chúng phải có nhiều trí khôn hơn chúng ta tất cả, và giỏi hơn chúng ta trong tất cả mọi việc : nhưng thực ra chúng không có lý trí, và chính thiên nhiên bắt chúng hoạt động theo cách xếp đặt cơ quan của chúng ; cũng

như chúng ta thấy chiếc đồng hồ chỉ làm thành bằng những bánh xe và những lò so, có thể đếm giờ và đo thời gian đúng hơn chúng ta dẫu rằng chúng ta có trí khôn.

Linh hồn hữu trí.

Sau đó tôi đã mô tả linh hồn hữu trí, và chứng minh nó không thể bởi vật chất nào mà ra, như những vật khác mà tôi đã nói, nhưng linh hồn cần được tạo dựng một cách riêng biệt, và không phải tinh thần chỉ ở trong thân xác người ta như một hoa tiêu ở trong một con tầu, có lẽ chỉ để giúp tứ chi cử động, nhưng nó cần phải kết hợp mật thiết với thể xác hơn để ngoài ra còn có thể có những tình cảm, những nhu cầu giống như chúng ta và như thế làm thành một con người thật. Lại nữa, tôi đã nói ở đây hơi dài giòng về vấn đề linh hồn, vì đó là một trong những vấn đề quan trọng nhất ; vì sau sự lầm lẫn của những kẻ phủ nhận Thiên Chúa — sự lầm lẫn này tôi tưởng đã đả-kích đầy đủ ở trên kia — thì không có một cái gì làm cho những tâm hồn yếu lòng xa lạ đường nhân đức bằng sự tin rằng hồn loài vật cũng đồng tính với linh hồn người ta, và bởi đó chúng ta không có gì đáng sợ hoặc đáng hy vọng sau cuộc đời này không khác gì loài ruồi hay loài kiến : trái lại, khi người ta biết các thứ hồn này khác nhau đến thế nào, ắt người ta sẽ hiểu hơn những lý do chứng minh rằng linh hồn chúng ta có một bản tính hoàn toàn khác với thể xác và do đó không bị bắt buộc phải chết đi với thể xác, lại vì người ta không thấy những nguyên nhân nào khác có thể tiêu diệt được linh hồn, người ta sẽ tự nhiên dễ tin rằng linh hồn là bất diệt

PHẦN THỨ SÁU

NHỮNG ĐIỀU GÌ CẦN CÓ ĐỂ ĐI SÂU VÀO VIỆC SƯU TẦM THIÊN NHIÊN

Cách đây ba năm tôi đã viết xong tiểu luận nói về những điều đó và khi tôi bắt đầu xem lại để giao cho một nhà xuất bản, thì tôi được biết rằng những người mà tôi kính trọng và tư tưởng có ảnh hưởng trên hành động của tôi không kém gì lý trí của tôi trên tư tưởng của tôi, đã bài bác một quan niệm lý học của một tác giả khác vừa xuất bản cách đó không lâu, tôi không muốn nói rằng tôi theo quan niệm đó nhưng trước khi nó bị kiểm duyệt, tôi không thấy có cái gì hại cho tôn-giáo hay cho quốc-gia, và bởi đó, không có gì ngăn cản tôi viết ra, nếu lý trí bảo tôi viết, và điều đó làm cho tôi sợ dẫu sao cũng có vài quan niệm nhầm lẫn trong tiểu luận của tôi, mặc dầu tôi đã cố gắng để chỉ nhận những quan niệm mới nào tôi đã chứng minh một cách rõ ràng, và không viết một điều gì có thể để hại cho ai. Điều đó đã đủ để làm cho tôi bỏ ý định xuất bản, nhưng bản tính của tôi vốn không ưa nghề làm sách, đã làm cho tôi tìm ra ngay đủ lý lẽ để không xuất bản nữa. Và những lý lẽ đó, xét đàng này hay đàng khác, không những tôi nên nói ra đây, mà có lẽ độc giả biết cũng là hay.

Lý do để xuất bản tiểu luận của Tác-giả.

Tôi luôn luôn coi thường những điều trí óc tôi đã suy nghĩ ra, và cái phương pháp tôi dùng chỉ đem lại cho một kết quả này là làm cho tôi thoả mãn trọng sự giải quyết những khó khăn thuộc về khoa-học thuần-túy và giúp cố gắng quy định lối xử thế của tôi theo những lý lẽ nó đã cho tôi biết, nên tôi vẫn tưởng không cần phải viết gì về nó cả. Về vấn-đề luân-lý, ai ai cũng đầy ý tưởng đến nỗi có bao nhiêu người là có bấy nhiêu nhà cải cách, nếu ngoài những người Thiên Chúa đã đặt làm chủ các dân tộc hay đã cho được ơn thánh và đủ lòng nhiệt thành để làm đạo sĩ còn có những người khác được phép thay đổi luân lý một phần nào : và dẫu rằng tôi rất thích tư tưởng, nhận xét của tôi, nhưng tôi tin rằng kẻ khác cũng có những tư tưởng, nhưng nhận xét riêng của họ mà có lẽ họ còn ưa thích hơn.

Sự ích lợi chung về vật chất và về tinh-thần của mọi người.

Nhưng ngay lúc tôi đã biết được một ít khái niệm tổng quát về lý học và khi bắt đầu đem chúng ra thí nghiệm trong những vấn đề khó khăn riêng biệt, tôi thấy những khái niệm kia sẽ đưa đến đâu, và chúng khác với những nguyên tắc mà người ta dùng từ trước đến nay thế nào, thì tôi đã tin rằng không thể giấu những khái niệm ấy nữa, mà không có tội nặng đối với điều luật bắt buộc chúng ta phải làm hết sức để tạo ra lợi ích chung cho mọi người : vì chúng đã cho tôi thấy là có thể đi đến những kiến-thức rất có lợi cho đời sống, và thay vì thứ triết lý thuần tưởng dạy ở các học-đường, người

ta có thể tìm được một thứ triết lý thực tiễn, giúp chúng ta biết được sức mạnh và những công dụng của lửa, của nước, của không khí, của tinh tú, của các bầu trời và của tất cả các vật thể ở chung quanh ta cũng rõ ràng như chúng ta biết các nghề nghiệp khác nhau của thợ thuyền để chúng ta có thể dùng, các thứ đó vào tất cả các công dụng hợp với chúng và như thế làm cho chúng ta trở thành chúa tể và sở hữu chủ của vũ trụ. Điều đó đáng mong muốn không những là để phát minh ra vô số những kỹ-thuật có thể làm cho người ta hưởng thụ một cách khỏe khoắn những sản phẩm của trái đất và những tiện nghi có thể tìm ra ở đấy, nhưng nhất là để bảo vệ sức khỏe, là của quý nhất và là nền tảng của tất cả mọi sự tốt lành khác ở đời ; vì ngay cả tinh thần cũng lệ thuộc rất nhiều vào bản chất và tình-trạng của các cơ quan trong người đều trở thành khôn ngoan và khéo léo hơn trước thì tôi tin rằng cách đó chỉ tìm ra trong y-học.

Vẫn biết rằng y-học được thông dụng ngày nay có rất ít điều rõ ràng ích lợi, nhưng dẫu rằng tôi không có ý định khinh rẻ y-học hiện đại, tôi vẫn tin chắc rằng không có một người nào, ngay cả những nhà chuyên môn y-học, mà không thú nhận rằng tất cả những điều người ta biết được ở địa vực này rất là ít ỏi, nếu đem so sánh với những điều còn cần phải biết thêm nữa, và người ta có thể tránh được không biết bao nhiêu bệnh tật cho thể xác cũng như cho tâm trí, nếu người ta biết được nguyên nhân của các bệnh tật ấy và biết được tất cả những thứ thuốc mà thiên nhiên có sẵn cho chúng ta. Với ý định hiến tất cả đời tôi để tìm kiếm thứ khoa học cần thiết ấy mà lại đã gặp được một con đường mà tôi tin tưởng chắc

chắn rằng theo đúng, nhất thiết sẽ đi đến khoa học ấy, nếu người ta không bị cản trở bởi đời sống ngắn ngủi hay bởi thiếu những công cuộc thí nghiệm, tôi nghĩ rằng không có phương sách nào linh nghiệm để trị hai sự cản trở kia hơn là trung thành phổ biến cho mọi người biết những điều tôi đã tìm ra, và kêu mời những người thiện chí cố gắng đi xa hơn nữa, mỗi người tùy theo sở thích và khả năng của mình góp phần vào những thí-nghiệm phải có, và phổ biến cho quần chúng biết những điều họ học được, kẻ đến sau tiếp tục công việc người đi trước, và như thế nối tiếp nhiều thế hệ và công việc của nhiều người với nhau, chúng ta sẽ cùng nhau đi xa hơn là từng người một nhiều,

Sự tiến bộ của khoa-học bắt buộc phải có thí-nghiệm và do đó phải có các người công-sự

Vả lại tôi thấy về công cuộc thí-nghiệm, kiến thức càng tiến, thì thí-nghiệm lại càng cần, Đối với lúc đầu, chỉ dùng những thí-nghiệm tự chúng ta phát xuất dưới tầm giác quan chúng ta, và chúng ta không thể không biết, nếu chúng ta chú ý một chút thì tốt hơn là tìm những thí nghiệm hiếm hoi và sâu xa : vì rằng những thí nghiệm hiếm hoi này thường làm chúng ta lầm, khi chúng ta chưa biết được những nguyên nhân thông thường nhất, và những hoàn cảnh mà chúng ta lệ thuộc vào thường là riêng lẻ và nhỏ nhặt nên khó mà thấy được. Nhưng thứ tự tôi đã theo ở đây là thế này : trước hết tôi đã cố tìm ra những nguyên lý, hay những nguyên nhân đầu tiên của tất cả mọi sự đang có hay có thể có trong vũ-trụ mà chỉ xét đến

Thiên chúa là đấng đã sáng tạo ra vũ trụ và chỉ rút các nguyên lý hay nguyên nhân ấy từ những mầm mống chân lý thường bẩm sinh trong linh hồn ta, sau đó tôi tìm xét hiệu quả nào là những hiệu quả sơ khởi và thường nhất người ta có thể suy diễn từ những nguyên nhân kia ra và hình như nhờ đó tôi đã tìm ra bầu trời; các tinh tú, quả đất, và trên quả đất : nước, không khí, lửa, kim khí và một ít vật khác thông thường và đơn sơ nhất, và bởi đó dễ hiểu biết nhất. Rồi khi tôi muốn tìm xuống đến những sự vật riêng biệt hơn, tôi thấy có nhiều quá khiến tôi phải nghĩ rằng trí óc con người không thể phân biệt những hình thức hay những loại các vật thể có thật trên mặt đất với muôn ngàn loài vật thể khác có thể có được, nếu Thiên chúa muốn, và bởi đó không thể dùng được chúng, nếu người ta không từ hậu quả mà lần đến nguyên nhân và không dùng nhiều thí nghiệm riêng biệt. Sau đó, suy nghĩ lại về những vật giác quan tôi đã biết được, tôi dám nói rằng tôi không thấy có một điều gì mà tôi không thể cắt nghĩa một cách khá dễ dàng bằng những nguyên lý tôi đã tìm ra. Nhưng tôi cũng phải thú nhận rằng quyền lực của thiên nhiên rất rộng rãi và mênh mông mà những nguyên lý kia lại rất đơn sơ và tổng quát nên hầu như tôi không nhận thấy một hậu quả nào riêng biệt mà tôi không biết trước là tôi có thể suy diễn nó ra bằng nhiều cách nhau, và điều khó khăn nhất cho tôi không phải là tìm cho ra hậu quả kia lệ thuộc vào nguyên lý bằng cách nào, vì ở đây tôi không biết cách nào khác hơn là làm lại những thí nghiệm nào đó cho hiện tượng khác đi tùy người ta phải giải thích bằng cách này hay cách khác. Và lại bây giờ

đã đến lúc tôi thấy kể là khá rõ ràng phải thực hiện phần nhiều những thí nghiệm ấy dưới khía cạnh nào để đạt đến mục đích đó, nhưng tôi cũng thấy rằng sức lực tôi và tài sản của tôi dẫu có tăng thêm gấp mấy ngàn lần cũng không thể đầy đủ để thực hiện tất cả các thí nghiệm ấy. Cho nên từ nay tôi có thể thí nghiệm nhiều hay ít, là tôi sẽ tiến nhiều hay ít trong việc hiểu biết thiên nhiên. Điều đó tôi đã muốn trình bày trong tiểu luận tôi đã viết và tôi đã chứng minh ích lợi, mà công chúng có thể hưởng thụ, một cách khá rõ ràng khiến tôi có thể ép buộc tất cả những người đạo đức thực chứ không phải giả dối hay mơ màng, ép buộc họ chẳng những là thông cáo cho tôi những thí nghiệm họ đã làm được mà lại giúp tôi tìm tòi những thí nghiệm còn phải làm.

Lý do để không xuất bản tiểu luận kia: Tránh những cuộc tranh luận làm mất yên tĩnh và thì giờ của Tác-giả.

Nhưng từ ngày đó đã có những lý đó khác khiến tôi thay đổi ý kiến và nghĩ rằng tôi cần phải tiếp tục viết những gì tôi thấy là quan trọng lúc tôi tìm ra chân lý trong đó, và cũng viết thận trọng như thể là tôi muốn đem in thật, trước là để có một dịp xem xét lại kỹ lưỡng hơn, bởi vì hẳn lúc nào người ta cũng chú ý đến những điều người ta tin sẽ có nhiều người xem hơn là những điều chỉ làm cho mình, và thường khi nhiều điều tôi tưởng là đúng, lúc tôi bắt đầu suy tưởng, lại trở thành sai khi tôi viết lên giấy, sau

nữa cũng là để khỏi mất một dịp giúp vào ích lợi chung, nếu tôi có thể và nếu những điều tôi viết có một chút giá trị nào, thì những kẻ giữ các tác-phẩm ấy sau lúc tôi chết, sẽ tùy nghi sử dụng ; nhưng nhất định tôi không được để cho xuất bản lúc tôi còn sống, sợ rằng những sự phản đối hay những cuộc tranh luận mà chúng có thể gây nên, hay cả đến danh tiếng mà nhờ chúng, tôi có thể có được, sẽ làm cho tôi phải mất thì giờ mà tôi muốn dùng để học hỏi.

Vấn nạn và giải đáp

Xuất bản thì có ích cho nhân loại. Vì dẫu quả thực mỗi người đều có bổn phận làm ích cho kẻ khác hết sức mình, và hẳn con người không có giá trị chính là người không làm ích gì cho kẻ khác, tuy nhiên thực ra chúng ta cũng phải nghĩ xa hơn hiện tại, và nên bỏ qua những công việc có thể đem lại lợi ích cho những người đang sống hiện nay, khi chúng ta có ý định làm những việc khác có lợi hơn cho con cháu chúng ta về sau : quả thế tôi mong cho người ta biết rằng chút kiến thức đã thu nhận được từ trước tới nay hầu như chẳng là gì đối với những điều tôi chưa biết và đang hy vọng có thể học biết được. Những kẻ khám phá ra dần dần chân lý khoa-học cũng gần giống như những người bắt đầu giầu có, những người này có thể làm lợi to một cách dễ dàng hơn là khi còn nghèo mà thu hoạch được những lợi nhỏ. Hay người ta cũng có thể ví họ với những vị tướng lãnh mà sức mạnh thường lớn dần theo những chiến thắng và các ngài cần phải có nhiều tài giỏi để cầm cự sau một cuộc

bại trận hơn là cần để chiếm thêm thành thị hay tỉnh hạt sau một cuộc chiến thắng. Bởi vì cố gắng để thắng những khó khăn và những nhầm lẫn ngăn cản không cho chúng ta đến gần chân lý, thật cũng như là đánh giặc, và tiếp nhận một quan niệm sai lầm về một vài vấn đề tổng quát và quan trọng thì cũng như là thua một trận. Sau một sự thất bại, thì cần phải có nhiều tài giỏi để trở lại trình trạng của mình trước hơn là cần để thực hiện những tiến bộ lớn lao khác, khi đã có những nguyên lý chắc chắn. Riêng tôi, nếu trước đây tôi đã tìm được một vài chân lý trong khoa-học (và tôi hy vọng rằng những điều tôi viết ra trong quyển sách này sẽ chứng tỏ là tôi đã tìm ra được vài chân lý) tôi có thể nói rằng đấy chỉ là những hiệu quả, những kết thúc của năm hay sáu khó khăn chính mà tôi đã thắng được, và những cái mà tôi kể như là những trận đánh mà tôi may mắn thắng được. Và tôi dám nói là tôi tin chỉ cần thắng vài ba trận như thế nữa là có thể hoàn thành các dự định của tôi, và tôi nghĩ rằng tuổi tôi không quá già và cứ luật tự nhiên tôi còn có thể thư thái thì giờ để đạt đến mục đích đó. Nhưng tôi tưởng rằng tôi càng hy vọng có thể dùng cái thời giờ còn sống thêm một cách có ích lợi, thì tôi lại càng phải giữ gìn lấy nó, và thì giờ ấy, hẳn tôi sẽ có nhiều cơ hội là mất đi nếu tôi xuất bản những nền tảng của thuyết lý-học của tôi : vì dẫu hầu hết các nguyên tắc ấy rất là hiển nhiên, chỉ cần nghe nói ra là đủ mà tin nhận và không có một cái nào mà tôi không thể đưa những chứng minh, nhưng vì chúng không thể thích hợp với tất cả những quan niệm khác nhau của các người khác, nên tôi thấy trước là tôi sẽ

thường bị sao nhãng bởi những chống báng do chúng sẽ gây ra.

Xuất bản là có ích cho sự học hỏi của tác-giả cũng như độc giả.

Người ta có thể nói rằng những sự chống báng ấy sẽ có ích một đàng là làm cho tôi biết những lỗi lầm của tôi, đàng khác nếu tôi có gì hay thì kẻ khác sẽ nhờ đó mà hiểu thêm, và vì nhiều người có thể thấy rõ hơn một người, nên nếu ngay từ họ bắt đầu lợi dụng cái hay kia của tôi, họ sẽ giúp tôi với phát minh của họ. Nhưng dù tôi nhận thấy tôi rất dễ sai lầm và hầu hết như không bao giờ tôi tin vào những tư tưởng đầu tiên tôi tìm được, tuy nhiên, cái kinh nghiệm mà tôi có về những vấn nạn người ta có thể đưa ra, làm cho tôi không hy vọng sẽ thu lượm được lợi ích gì bởi những vấn nạn ấy: vì tôi đã nhiều lần trải qua những lời phê phán chẳng những là của những người tôi xem như là bạn hữu, mà còn là của những người tôi coi là xa lạ và cả của những người mà tôi biết là ác tâm và lòng đố kỵ cố tìm ra những gì mà tình thương đã che khuất không cho bạn hữu tôi trông thấy, nhưng rất ít khi người ta đưa ra một vấn nạn mà tôi chưa nghĩ tới, nếu không phải là một vấn nạn quá xa với vấn đề của tôi, bởi đó hầu như chưa có bao giờ tôi được gặp một người nào phê bình những quan niệm của tôi mà tôi kể được là gắt gao và công bình như tôi. Và tôi cũng chưa hề thấy là nhờ những tranh luận thường dùng ở các học đường, người ta đã có thể tìm ra một chân lý nào mà trước kia người ta

không biết. Vì lúc mỗi người cố gắng cho lập luận mình thắng, người ta cốt tập luyện để đưa ra những điều dễ tin hơn là cân nhắc những lý do của đôi bên ; và những người làm trạng sư có tài lâu năm, cũng không vì đó mà thành những vị thẩm phán giỏi.

Còn lợi ích mà tư tưởng của tôi có thể đem lại cho kẻ khác có lẽ cũng không lớn lao lắm, nhất là các thứ tư tưởng ấy cũng chưa chắc tiến xa, còn cần phải thêm vào đó nhiều điều nữa trước kia đem ra áp dụng và tôi tư tưởng có thể nói mà không khoe khoang rằng ngoài tôi ra không ai có khả năng làm được điều đó. Không phải vì rằng ở đời không có một trí tuệ nào lỗi lạc hơn tôi vô cùng, nhưng vì khi người ta học một điều gì với kẻ khác thì người ta không thể quan niệm một cách rõ ràng và làm cho nó trở thành của mình hẳn như khi chính mình phát minh ra nó. Điều đó rất đúng ở đề mục này : tôi đã thường cắt nghĩa một vài tư tưởng của tôi cho những người rất thông minh, và trong lúc tôi nói hình như họ hiểu rõ ràng lắm, tuy vậy khi họ nói lại, tôi vẫn thấy họ nói khác đi rất nhiều khiến tôi không thể nhận ra những tư tưởng ấy là của tôi nữa.

Phiếm luận

Trong dịp này tôi muốn nhắn nhủ con cháu chúng ta đừng tin những điều người ta nói với chúng ta là do tôi, nếu không phải chính tôi đã phổ biến ra và tôi không chút ngạc nhiên về những điều lạ lùng người ta đã gán cho các

triết gia ngày xưa là những người đã không để lại sách vở gì cho ta, và tôi cũng không hề do đó mà nghĩ rằng tư tưởng của họ là vô lý, vì rằng họ là những người khôn ngoan nhất của thời họ, nhưng tôi chỉ nghĩ rằng người ta đã truyền tụng lại sai đi ; cũng như người ta không hề thấy có ai trong đồ đệ của họ đã vượt họ : và tôi tin chắc rằng những kẻ hăng hái nhất trong những người theo Aristote bây giờ, sẽ tự lấy làm thỏa mãn, nếu họ hiểu biết được thiên nhiên như Aristote đã hiểu biết ngày xưa, dầu là với điều kiện họ sẽ không biết thêm một điều gì hơn nữa. Họ cũng như một cây leo, nó không hề tự cố gắng leo lên cao hơn những cây nâng đỡ nó, và có khi nó lại trụt xuống sau khi đã lên đến ngọn các cây kia. Tôi thiết tưởng như những người không lấy làm đủ sự hiểu biết những gì đã được giải thích rõ ràng hơn tác giả họ học, mà còn muốn tìm ở đó cách giải quyết những vấn đề mà chính tác giả không nói gì đến, và có lẽ cũng không hề nghĩ đến, những người như thế là những người đi thụt lùi, nghĩa là có thể nói rằng họ tự làm cho mình kém hiểu biết hơn là khi họ không học hành. Tuy thế, cách lý luận của họ rất hợp cho những bộ óc kém cỏi, bởi những lối phân tách mù mịt và những nguyên lý tối tăm họ dùng, làm cho họ có thể táo bạo nói tất cả mọi sự như là đã hiểu biết và táo bạo bênh vực những điều họ thuyết minh chống lại với những người tinh khôn và tài giỏi nhất, mà không có cách gì thuyết phục được họ. Như thế tôi cho họ cũng giống như một người mù, đánh nhau với một người sáng mắt mà muốn khởi bất lợi, nên đã dẫn người kia xuống đáy một cái hang tất tối tăm; và tôi có thể nói rằng, những hạng người ấy đều muốn cho

tôi không xuất bản những nguyên tắc triết-học của tôi ; vì những nguyên-tắc ấy đơn giản và hiển nhiên quá, nếu tôi cho xuất bản, thì cũng gần như là tôi mở những cánh cửa sổ và cho ánh sáng lọt vào cái hang mà họ đã xuống để đánh nhau. Nhưng, ngay cả những kẻ thông minh nhất cũng có lý do để muốn tôi không xuất bản : họ muốn có thể nói về tất cả mọi sự và được tiếng là những nhà thông thái ; mà họ sẽ thành công trong việc đó bằng cách chỉ dùng những điều á thực, là những điều có thể dễ dàng tìm thấy trong mọi môn hơn là bằng cách tìm chân lý vì chân lý chỉ tìm được dần dần trong vài môn, còn ở những môn khác thì người ta còn phải thú nhận là chưa biết. Còn nếu một đàng họ đặt sự hiểu biết một chút sự thật lên trên cái hư danh được coi là thông biết mọi sự, mà thực ra sự hiểu biết chân lý là đáng đặt lên trên, và đàng khác nếu họ muốn theo đuổi một ý định như ý định của tôi, thì họ cũng không cần tôi nói cho họ nhiều hơn những điều tôi đã nói trong luận thuyết này, vì giá họ có khả năng đi xa hơn tôi, thì họ lại càng có khả năng tự mình tìm ra những điều mà tôi tưởng đã tìm được. Hơn nữa, bao giờ tôi cũng khảo cứu theo thứ tự, nên những điều còn lại mà tôi cần phải khám phá ra, chắc chắn là phải khó khăn và bí ẩn hơn những điều tôi đã tìm thấy trước đây và những điều đó nếu họ tìm ra thì chắc họ sẽ vui lòng hơn là học hỏi được ở nơi tôi : ngoài ra, cái kinh nghiệm họ có được do họ khảo cứu những điều dễ dàng trước rồi tiến dần dần từng bước đến những điều khó hơn, sẽ giúp cho họ nhiều hơn là những điều tôi dạy bảo. Cũng như riêng tôi, tôi tin chắc rằng nếu từ ngày tôi còn trẻ người ta dạy tôi những chân lý mà từ

trước đến nay tôi đã tự tìm chứng minh lấy và nếu tôi không phải khổ công mới biết được chúng thì có lẽ tôi sẽ không bao giờ biết hơn thêm nữa, hay ít ra tôi sẽ không bao giờ có được thói quen và sự dễ dàng mà tôi tin rằng tôi hiện có để tìm ra những chân lý mới, những lúc tôi cố gắng khám phá ra chân lý. Nói tóm lại, nếu ở đời có một công trình nào chỉ có thể làm hoàn tất do chính kẻ đã khởi công chớ không do một ai khác, thì công trình đó hẳn là công trình của tôi.

Xuất bản là tạo cho tác giả những kinh nghiệm cần thiết

Hẳn rằng về những thí nghiệm có thể giúp cho công việc đó thì một người mà thôi không thể thực hiện tất cả được; nhưng người đó muốn làm việc một cách hữu ích thì ngoài chính tay mình, người ấy không thể dùng tay nào khác ngoài tay những người thợ hay là những người ông ta có thể trả công, chắc chắn vì mong lợi, họ sẽ làm đứng đắn những gì ông ta bảo họ làm. Đối với những người tình nguyện hoặc vì tò mò hoặc vì muốn học hỏi, tự ý xin giúp ông ta thì không kể, thường họ hứa nhiều hơn là làm, và chỉ đề nghị những chuyện hão huyền, không thiết thực, họ lại còn muốn được trả công bằng những sự giải thích một vài điểm khó khăn nào đấy, hay ít nhất là bằng những lời khen ngợi hay những buổi nói chuyện vô ích làm mất thì giờ không ít hơn là chính ông ta tự tay làm lấy. Còn về những thí nghiệm mà kẻ khác để làm thì cho dẫu họ có muốn cho ông biết — mà đây là một điều mà những kẻ coi chúng là bí mật không bao giờ làm — phần nhiều lại gồm không biết bao nhiêu trường-hợp hay thể

thức rất là vô ích, nên ông ta sẽ khó mà biết cái gì đúng, cái gì sai. Ngoài ra ông ta sẽ thấy hầu hết các thí nghiệm ấy được cắt nghĩa vu vơ hay là sai lạc hẳn vì những kẻ đã làm các thí nghiệm kia đều cố ép chúng theo các nguyên lý của họ, cho nên, nếu có một vài thí nghiệm ấy, có thể giúp ích được cho ông ta, thì chúng cũng không bù lại thì giờ ông ta sẽ phải dùng để lựa chọn chúng. Do đó, nếu ở đời có một ai mà người ta biết là có đủ sức để tìm ra những điều lớn lao nhất, và có ích nhất cho quần chúng và vì lẽ ấy những người khác nên hết sức giúp đỡ để người ấy hoàn thành được ý định của mình, thì tôi không thấy người ta có thể làm gì khác cho người ấy hơn là giúp trả tổn phí những thí nghiệm ông ta cần phải làm và ngoài ra, ngăn cản không cho ai quấy rầy những giờ rảnh rỗi của ông ta. Nhưng chẳng những là tôi không dám tự đại, hứa hẹn những điều lạ lùng hay dám hoài bão những ý nghĩ viễn vông, và tưởng tượng rằng quần chúng phải chú ý đến những trù định của tôi, mà tôi cũng không hèn mạt đến nỗi muốn nhận bất cứ của ai một sự ưu đãi mà người ta tin là tôi không xứng đáng nhận.

KẾT LUẬN : Lý do xuất bản một vài tiểu luận (QUANG-HỌC — THIÊN-VĂN HỌC — HÌNH-HỌC)

Tất cả những nhận xét trên đây hợp lại là chính nguyên nhân đã khiến cho ba năm trước đây tôi không muốn phổ biến tập tiểu luận mà tôi có trong tay, và cũng là nguyên do làm cho tôi nhất định suốt đời sẽ không cho xuất bản một tác

phẩm nào, có tính cách hoàn toàn tổng quát và nhờ đó người ta biết các nền tảng của môn lý học của tôi. Nhưng về sau có hai lý do khác buộc tôi phải viết ra đây một ít luận đề riêng biệt và trình bày một phần nào với công chúng những hành động và ý định của tôi. Lý do thứ nhất là nếu tôi không cho xuất bản thì nhiều người trước kia biết tôi đã có ý định cho xuất bản một ít điều tôi đã viết, có thể lầm tưởng những lý do làm cho tôi không xuất bản là bất lợi cho tôi hơn là thực như thế. Dẫu rằng tôi không quá thích vinh quang và tôi lại dám nói rằng tôi ghét nó, vì tôi cho là nó làm mất sự yên tĩnh là điều tôi quý hơn hết mọi sự, tuy nhiên tôi cũng không bao giờ cố che đậy hành động của tôi như những tội ác, hay dùng nhiều thủ đoạn để phòng để ẩn danh vì như thế một đàng tưởng là có hại cho tôi và đàng khác sẽ gây cho tôi một thứ lo âu trái nghịch với sự yên tĩnh hoàn toàn của tâm trí mà tôi tìm kiếm. Mặc dầu luôn luôn vô tư trọng vấn đề được người ta biết đến hay không biết đến, tôi không thể làm sao để không có một chút danh tiếng, nên tôi nghĩ tôi phải làm hết sức để ít nhất là danh tiếng ấy không phải là xấu kém. Lý do thứ hai buộc tôi phải viết tiểu-luận là càng ngày càng thấy sự chậm trễ trong ý định muốn học hỏi của tôi, chậm trễ vì tôi còn cần rất nhiều thí nghiệm, mà những thí nghiệm này, tôi không thể thực hiện được, nếu không có kẻ khác giúp đỡ mặc dầu tôi không tự hào hy vọng công chúng giúp một phần lớn vào công việc riêng của tôi, bởi đó tôi không còn dám thối thác và làm cớ cho hậu thế trách tôi được rằng nếu tôi đã không quá trễ nãi để cho họ biết họ có thể giúp tôi thực hiện

ý định thế nào, thì tôi đã có thể để lại cho họ nhiều công việc tốt đẹp hơn nữa.

Và tôi đã nghĩ rằng tôi có thể chọn dễ dàng một ít đề tài tuy không gây ra nhiều sự tranh luận, hoặc bắt tôi phải nói về những nguyên lý của tôi nhiều hơn là tôi muốn, nhưng vẫn có thể cho người ta thấy rõ những gì tôi có thể hay không có thể làm trong phạm-vi khoa-học. Về điều này, tôi không biết là tôi đã thành công hay không ; và tôi cũng không muốn đề phòng những lời phê phán của một ai bằng cách tự nói về tác phẩm của tôi. Nhưng tôi rất sung sướng nếu được người ta khảo sát cho. Và để người ta có nhiều cơ hội khảo sát hơn, tôi xin những ai có vấn nạn, hãy vui lòng gởi những vấn nạn ấy đến nhà xuất bản của tôi, nhà xuất bản thông cáo cho tôi và tôi sẽ gởi lại giải đáp của tôi luôn thể, như thế các độc giả cùng biết ý kiến của nhau và phán đoán dễ dàng hơn về sự thật ? Tôi không hứa hẹn sẽ trả lời dài giòng, chỉ xin thú nhận những lầm lỗi của tôi một cách rất thành thực, nếu thật là có lầm lỗi, hoặc giả không thấy lầm lỗi gì, thì tôi sẽ xin nói đơn sơ những điều tôi tưởng là cần kíp để bênh vực tác phẩm của tôi, mà không cắt nghĩa thêm gì về một đề tài mới để khỏi kéo mãi vấn đề này sang vấn đề khác, không bao giờ hết.

Nếu những điều tôi nói đến ở đầu tập chiết quang-học và tinh-tú học có làm cho người ta phải ngạc nhiên vì tôi gọi chúng là những giả-thuyết mà hình như tôi không thèm chứng-minh, thì tôi xin độc-giả cứ chăm-chỉ đọc hết cả tập, tôi hy-vọng đọc hết, các ngài sẽ thỏa mãn. Vì thiết tưởng

ở đấy các lý-luận nối kết nhau rất chặt chẽ, lý-luận sau được chứng-minh bởi các lý-luận trước được chứng-minh bởi các lý-luận sau là hiệu quả của chúng và người ta không nên tưởng ở đây tôi đã sa vào cái lối mà các luận-lý-gia gọi là vòng quẩn ; vì sự thí-nghiệm làm cho phần nhiều các hiệu quả ấy trở thành chắc chắn.

Những nguyên nhân từ đó tôi đã suy nghĩ ra các hiệu quả ấy không phải là giúp để chứng minh mà chỉ giải nghĩa chúng, trái lại chính những nguyên nhân ấy được các hiệu quả kia chứng minh cho. Tôi gọi chúng là những giả-thuyết chỉ là để người ta biết rằng tôi tin có thể suy diễn ra từ những chân lý sơ thủy mà tôi đã cắt nghĩa trên kia, nhưng tôi cố ý không làm như thế kẻo một số người lợi dụng cơ-hội mà xây đắp cả một triết thuyết kỳ quặc trên những cái mà họ tưởng là nguyên-tắc của tôi mà người ta sẽ đổ lỗi cho tôi, những người ấy, họ tưởng họ hiểu biết được trong một ngày tất cả những điều mà một người khác đã từng suy nghĩ suốt hai mươi năm trời, thoạt khi họ nói được về điều đó một vài lời ; mà càng sâu sắc lanh lợi bao nhiêu, họ càng dễ sai lạc và càng ít có khả năng tìm ra chân lý bấy nhiêu. Về những quan-niệm mà tất cả là riêng của tôi, tôi không bào chữa vì chúng mới mẻ, nếu người ta nhận xét rõ các lý lẽ, thì tôi chắc chắn người ta sẽ thấy chúng rất đơn giản, rất hợp với tục thức, và sẽ được coi là ít lạ lùng, ít kỳ quặc hơn hết mọi quan-niệm khác người ta có thể có về những vấn đề như thế ; và tôi cũng không muốn khoe khoang tôi là người đầu tiên phát-minh ra một quan-niệm nào, mặc

dầu không bao giờ chấp nhận những quan-niệm ấy vì lẽ người khác đã xướng ra hay đã không xướng ra, mà chỉ chấp nhận vì lý-trí bắt tôi phải chấp nhận. Nếu mấy nhà thủ công nghệ không thể thi hành cái phát-minh đã được cắt nghĩa trong tập chiết quang-học, tôi tưởng không thể vì thế mà bảo được rằng phát-minh ấy sai lạc, nhất là vì phải rất tài giỏi và rất thạo, mới sắp đặt được những máy móc tôi đã mô tả, không bỏ sót một chi-tiết nào ; tôi sẽ ngạc nhiên, nếu họ thành-công ngay lần đầu ; cũng như phải ngạc nhiên nếu có ai có thể đánh đàn giỏi chỉ nhờ người ta đưa ra cho y một bản dạy chơi đàn ấy. Và nếu tôi viết bằng tiếng Pháp, là tiếng của xứ sở tôi, chứ không viết bằng tiếng La-tinh là tiếng của các thầy dạy tôi, chính là tôi hy-vọng rằng những kẻ chỉ dùng lý trí tự nhiên hoàn toàn thuần-túy của họ sẽ biết phán đoán về những quan-niệm của tôi đúng hơn là những người chỉ tin vào sách cổ. Đối với những kẻ vừa có lương trí vừa có học thức, mà tôi tưởng là chỉ có họ phê phán tôi, họ sẽ không quá thiên vị tiếng la-tinh đến nỗi không chịu nghe những lý luận đó bằng một thứ tiếng thông thường. Sau nữa tôi không muốn đặc biệt nói đến ở đây về những điều tôi hy vọng sẽ có thể làm được trong tương lai cho các khoa-học, và cũng không muốn hứa hẹn với công chúng một điều gì mà tôi không chắc là sẽ thực hiện được, nhưng tôi chỉ xin nói rằng tôi đã nhất quyết chỉ dùng tất cả những ngày giờ tôi còn được sống thêm để cố tìm thêm một vài kiến thức về thiên nhiên, khả dĩ nhờ đó rút ra được cho nền y-học phương sách chắc chắn hơn là những phương sách hiện có, tính tôi thật không thích một dự định nào khác, nhất là những dự định chỉ làm ích

cho người này mà lại gây hại cho kẻ khác, nên nếu có cơ hội nào bắt buộc tôi phải theo, thì tôi tưởng tôi sẽ không thể thành công được.

Tôi tuyên bố ra đây một lời tuyên bố mà tôi biết sẽ không thể giúp cho tôi trở nên danh tiếng ở đời, nhưng tôi cũng không ham muốn được danh tiếng chút nào ; đối với những người giúp tôi hưởng cảnh an nhàn của tôi không chút cản trở, tôi sẽ luôn luôn sẵn sàng biết ơn hơn là đối với những người hiến tôi những địa vị danh vọng nhất trần gian.

MỤC LỤC

Tựa 1-16

Đề hướng-dẫn lý trí và để siêu tầm chân-lý trong các khoa học 17

PHẦN THỨ NHẤT

VÀI NHẬN XÉT VỀ CÁC KHOA HỌC

Tính cách quan-trọng của phương-pháp . . 18-21

Lịch trình giáo huấn của tác giả và những nhận xét về khoa-học 21-22

Vài nhận xét về các môn học khác . . . 22-27

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG QUI LUẬT CHÍNH CỦA PHƯƠNG PHÁP

Những lý do khiến tác giả kiểm soát lại kiến thức của mình 27-31

Tác giả không muốn cải hóa Quốc gia nhưng cải hóa tư-tưởng của mình 31-32

Cuộc cải tạo tư tưởng này tác giả khuyên nên tránh 33-34
Các quy-luật của phương-pháp 34-37
Những áp dụng và những kết quả đầu tiên của phương pháp 37-40

PHẦN THỨ BA

MỘT ÍT QUI-TẮC ĐẠO-ĐỨC RÚT TỪ PHƯƠNG PHÁP NÀY RA

Những qui tắc đạo đức tạm thời 41-46
Lịch trình tư tưởng của tác giả từ mùa đông 1619 - 1620 cho đến ngày tác giả đi Hòa-Lan 46-49

PHẦN THỨ TƯ

BẰNG CHỨNG VỀ SỰ CÓ THƯỢNG ĐẾ VÀ LINH HỒN CON NGƯỜI HAY LÀ NỀN TẢNG CỦA SIÊU HÌNH HỌC

Sự tìm kiếm một chân lý căn bản chắc chắn 50-51
Linh hồn : bản tính và sự phân biệt với thể xác 51-53

Thượng đế : Những bằng chứng về sự hiện hữu và bản tính của Ngài 53-57
Ngoại giới : sự hiện hữu của nó 57-59

PHẦN THỨ NĂM

THỨ TỰ CÁC VẤN ĐỀ LÝ HỌC

Thế giới vật chất 60-65
Thế giới động vật 65-74
Con người 74-77

PHẦN THỨ SÁU

NHỮNG ĐIỀU GÌ CẦN CÓ ĐỂ ĐI SÂU VÀO VIỆC SƯU TẦM THIÊN NHIÊN

Lý do đề xuất bản tiểu luận của tác giả . . 79-83
Lý do để không xuất bản tiểu luận kia : Tránh những cuộc tranh luận làm mất yên tĩnh 83-87
và thì giờ của Tác-giả 87-91
Phiếm luận 91-96
KẾT-LUẬN : Lý do xuất bản một vài tiểu luận (QUANG-HỌC — THIÊN-VĂN HỌC — HÌNH-HỌC)

PHƯƠNG PHÁP LUẬN của RENÉ DESCARTES ĐẠI HỌC XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT IN TẠI NHÀ IN NAM-SƠN 36, NGUYỄN-AN-NINH – SAIGON

Tủ sách Triết-học

Những sách đã xuất-bản

- JEAN LA CROIX

  Tình Cảm và Đời Sống Đạo Đức
  Nguyễn văn Lâu, Nguyễn Đức Mai
  Trần quý Phiệt, Vĩnh Quyền dịch — Giá 30$

- NGUYỄN VĂN TRUNG

  Biện Chứng Giải Thoát Trong Phật Giáo
  In lần thứ nhất — Giá 45$

- RENÉ DESCARTES

  Phương Pháp Luận — Nguyễn văn Châu
  và Linh Mục Cao văn Luận dịch — Giá 30$

- JEAN LA CROIX

  Nhân Vị và Tình Yêu — đang in

- KARL JASPERS

  Đưa vào Triết Học — sẽ xuất bản

ĐẠI-HỌC XUẤT-BẢN
20, Lê-đình-Dương — HUẾ

Giá 30$00

Nguyễn-Ninh — Saigon

Tủ sách Triết-học

Những sách đã xuất-bản

- JEAN LA CROIX

  Tình Cảm và Đời Sống Đạo Đức
  Nguyễn văn Lâu, Nguyễn Đức Mai
  Trần quý Phiệt, Vĩnh Quyền dịch — Giá 30$

- NGUYỄN VĂN TRUNG

  Biện Chứng Giải Thoát Trong Phật Giáo
  In lần thứ nhất — Giá 45$

- RENÉ DESCARTES

  Phương Pháp Luận — Nguyễn văn Châu
  và Linh Mục Cao văn Luận dịch — Giá 30$

- JEAN LA CROIX

  Nhân Vị và Tình Yêu — đang in

- KARL JASPERS

  Đưa vào Triết Học — sẽ xuất bản

ĐẠI-HỌC XUẤT-BẢN
20, Lê-đình-Dương — HUẾ

NAM-SƠN 36, Nguyễn-an-Ninh — Saigon
Kiểm duyệt số 7140/HĐKD/Huế, ngày 13-4-59

Giá 30$00